

TUẦN 13:

CHỦ ĐỀ 5: NIỀM VUI SÁNG TẠO

Bài 23: BÉT – TÔ – VEN VÀ BẢN XÔ – NÁT ÁNH TRẮNG (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bét-tô-ven và bản xô - nát “Ánh trắng”*.

- Biết đọc diễn cảm với giọng kể ca ngợi, khâm phục tài năng và lòng nhân ái của nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại Bét-tô-ven. Biết đọc diễn cảm lời người dẫn chuyện.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Bản xô-nát Ánh trắng được ra đời không chỉ bởi tài năng, đam mê âm nhạc của nhà soạn nhạc vĩ đại Bét-tô-ven mà còn bởi lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và đồng cảm với con người, đặc biệt là những con người có số phận không may mắn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng giá trị của những sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt những sáng tạo nghệ thuật có cội nguồn từ lòng nhân ái.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý những sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt những sáng tạo nghệ thuật có cội nguồn từ lòng nhân ái.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: <i>Hái hoa dân chủ</i> để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc đoạn 1 bài: <i>Bức tường có nhiều phép lạ</i> và trả lời câu hỏi 1. + Câu 2: Đọc đoạn 2 bài: <i>Bức tường có nhiều phép lạ</i> và trả lời câu hỏi 2. + Câu 3: Đọc đoạn 3 bài: <i>Bức tường có nhiều phép lạ</i> và trả lời câu hỏi 4. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV YC HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi: + Kể tên một số bài hát thiếu nhi mà em yêu thích. Tác giả của những bài hát đó là ai? - Gọi các nhóm báo cáo kết quả - GV nhận xét, tuyên dương. - Nhìn vào tranh trong bài và cho biết bức tranh vẽ gì? - GV dẫn vào bài mới: Trên đây chúng ta đã làm quen với một số bài hát thiếu nhi. Mỗi bài hát ấy thường do một nhạc sĩ sáng tác. Một nhạc sĩ trong cuộc đời của mình có thể sáng tác nhiều bài hát, nhiều bản nhạc khác nhau. Mỗi bài hát, bản nhạc đều được ra đời trong một hoàn cảnh nhất định. Bét – tô - ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại. Ông cũng đã sáng tác nhiều bản nhạc. Bản xô-nát	- HS tham gia trò chơi + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện theo nhóm đôi. - Đại diện các nhóm chia sẻ - Nhận xét, bổ sung - HS trả lời - Lắng nghe

Ánh trắng ra đời trong một hoàn cảnh rất đặc biệt chúng ta cùng tìm hiểu bài đọc để biết điều đó.	
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện <i>Bét-tô-ven và bản xô - nát “Ánh trắng”</i>. + Biết đọc diễn cảm với giọng kể ca ngợi, khâm phục tài năng và lòng nhân ái của nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại Bét-tô-ven. Biết đọc diễn cảm lời người dẫn chuyện. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện suy nghĩ, lòng quyết tâm, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 4 đoạn - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp bài. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>bét-tô-ven, xô-nát Ánh Trắng, Đa-nuýt, sông sông Đa-nuýt</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Thấy bet-tô-ven,/ người cha đau khổ chia sẻ rằng:/ Con gái ông có một ước mơ duy nhất/ là được ngắm ánh trắng trên dòng Đa nuýt.//</i>	- HS lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 4 HS đọc nối tiếp theo yêu cầu. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện những	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm.

tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện suy nghĩ, lòng quyết tâm, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 4 (mỗi học sinh đọc 1 đoạn). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- 4 HS đọc nối tiếp đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm 4. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Bản xô-nát Ánh trăng được ra đời không chỉ bởi tài năng, đam mê âm nhạc của nhà soạn nhạc vĩ đại Bét – tô - ven mà còn bởi lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và đồng cảm với con người, đặc biệt là những con người có số phận không may mắn. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc chú giải để hiểu nghĩa các từ mới. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. YC HS hoạt động nhóm 4 và trả lời các câu hỏi. - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Đoạn mở đầu giới thiệu những gì về Bét-tô-ven? + Câu 2: Bét-tô-ven đã gặp cha con cô gái mù trong hoàn cảnh nào? Cô gái mù có ước mơ gì?	- 1 HS đọc chú giải - HS hoạt động nhóm 4 và trả lời lần lượt các câu hỏi: + Đoạn mở đầu giới thiệu Bét – tô - ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại trên thế giới và là tác giả của bản nhạc nổi tiếng: <i>bản xô-nát “Ánh trăng”</i>. + Bét-tô-ven đã gặp cha con cô gái mù trong hoàn cảnh: Vào một đêm trăng sáng, Bét-tô-ven đến cây cầu bắc qua

+ Câu 3: Bét-tô-ven đã làm gì để giúp cô gái thực hiện ước mơ của mình? + Câu 4: Tìm những câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc mà Bét-tô-ven đã dành tặng cô gái mù? + Câu 5: Vì sao bản nhạc Bét-tô-ven dành tặng cô gái mù lại có tên là “Ánh trăng”? - GV nhận xét, tuyên dương	dòng sông Đa nuýp xinh đẹp trong thành Viên. Bỗng Bét-tô-ven nghe thấy tiếng dương cầm văng vẳng ở phía xa. Tiếng đàn đã đưa bước chân Bét-tô-ven đến một ngôi nhà trong khu lao động, nơi có cha con cô gái mù. Người cha đang chăm chú ngồi nghe cô gái mù chơi đàn. + Cô gái mù có một ước mơ duy nhất là được ngắm nhìn ánh trăng trên dòng Đa-nuýp. + Bét-tô-ven đến bên cây đàn, ngồi xuống và bắt đầu chơi. Những nốt nhạc của nhà soạn thảo nhạc thiên tài đã khiến cho cô gái mù có cảm giác mình đang được ngắm nhìn, đùa giỡn với ánh trăng trên dòng Đa-nuýp và như vậy, cô đã thực hiện được ước mơ của mình. + Những câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc mà Bét-tô-ven đã dành tặng cô gái mù là: Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như dòng sông Đa nuýp... - 2-3 HS nêu ý kiến của mình VD: Bản nhạc có tên là “Ánh trăng” vì bản nhạc được sáng tác trong một đêm trăng. Bản nhạc có tên là “Ánh trăng” vì bản nhạc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng... - HS lắng nghe, nhận xét, góp ý và bổ
--	---

- GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Bản xô-nát Ánh trăng được ra đời không chỉ bởi tài năng, đam mê âm nhạc của nhà soạn nhạc vĩ đại Bét-tô-ven mà còn bởi lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và đồng cảm với con người, đặc biệt là những con người có số phận không may mắn.	sung đáp án - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học.
3.2. Luyện đọc diễn cảm - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật - Mời 2 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 2 - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 2 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc theo vai theo nhóm 2. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc theo vai trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng giá trị của những sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt những sáng tạo nghệ thuật có cội nguồn từ lòng nhân ái. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: <i>Hộp quà bí mật</i> để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn. + Em hãy đọc diễn cảm đoạn 2 của bài <i>Bét – tô - ven và bản xô - nát “Ánh trăng”</i>.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc

- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà.	- Lắng nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Bài 23: BÉT – TÔ – VEN VÀ BẢN XÔ – NÁT ÁNH TRẮNG (3 tiết)

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Luyện tập về tính từ.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng dùng tính từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

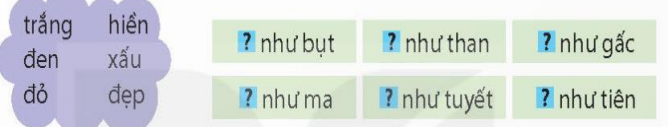
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Truyền điện để khởi động bài học. + Câu 1: Tìm các tính từ chỉ vị của quả táo. + Câu 2: Tìm các tính từ chỉ vị âm thanh trong giờ ra chơi. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi để khởi động vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi + ngọt, ngọt ngào, ngọt lịm, ... + ồn, ồn ào, âm ỉ, xôn xao, ... - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Luyện tập - Mục tiêu: + Luyện tập về tính từ. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Tìm tính từ có trong bài đọc <i>Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trăng</i> theo hai nhóm dưới đây - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: Tính từ chỉ đặc điểm của tiếng nhạc (da diết,...) Tính từ chỉ đặc điểm của dòng sông (xinh đẹp,...) - Giáo viên yêu cầu HS đọc thầm bài <i>Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trăng</i> và làm việc cá nhân - Gọi HS chia sẻ bài làm	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm bài cá nhân - 2-3 HS chia sẻ bài làm - Nhận xét, bổ sung. - kết quả: + Tính từ chỉ đặc điểm của tiếng nhạc:

- GV nhận xét, kết luận	êm ái, nhẹ nhàng, mạnh mẽ. + Tính từ chỉ đặc điểm của dòng sông: xinh đẹp, lấp lánh (ánh trắng). - HS lắng nghe
Bài 2. Tính từ nào dưới đây có thể thay cho mỗi ô vuông - YC HS đọc yêu cầu bài  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 2, chọn các tính từ <i>trắng, đen, đỏ, hiền, xấu, đẹp</i> để hoàn thiện các thành ngữ. - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng để thực hiện yêu cầu bài tập (Chia lớp thành 2 đội chơi) - GV nhận xét, tuyên dương HS - GV nhận xét, chốt kiến thức - Gọi HS đọc lại các thành ngữ Bài 3. Đọc đoạn thơ dưới đây và thực hiện các yêu cầu - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - Gọi HS đọc đoạn thơ - GV mời HS làm việc theo nhóm 2: + Tìm các tính từ chỉ màu xanh trong đoạn thơ. Mỗi tính từ đó được dùng để tả đặc điểm của sự vật nào? + Viết 2-3 câu có sử dụng tính từ em tìm được ở bài tập a. - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm nhận xét.	- HS đọc yêu cầu bài - Các nhóm thảo luận và chọn các tính từ. - HS chơi trò chơi - KQ: - hiền như bột, đen như than, đỏ như gác, xấu như ma, trắng như tuyết, đẹp như tiên. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm - 2-3 HS đọc - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - 1 HS đọc đoạn thơ - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Các nhóm trình bày kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương	- Các nhóm khác nhận xét. - Kết quả: a. Các tính từ chỉ màu xanh trong đoạn thơ là: xanh, xanh mát, xanh ngắt. Mỗi tính từ đó được dùng để tả đặc điểm của các sự vật khác nhau: tính từ <i>xanh</i> chỉ đặc điểm của tre, lúa, ước mơ; tính từ <i>xanh mát</i> chỉ đặc điểm của dòng sông; tính từ <i>xanh ngắt</i> chỉ đặc điểm của mùa thu (của bầu trời mùa thu). b. HS nêu nhiều đáp án khác nhau. VD: Bầu trời <i>xanh ngắt</i> không một gợn mây. Chúng tôi thích thú vì được vui chơi trong khu rừng <i>xanh mát</i> này. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Truyền điện”. + GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Nêu các tính từ chỉ đặc điểm theo yêu cầu của bạn. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 23: BÉT – TÔ – VEN VÀ BẢN XÔ – NÁT ÁNH TRẮNG (3 tiết)

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu cách viết đơn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao cách viết đơn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đơn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng cách viết đơn.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động tại chỗ theo nhạc	- HS tham gia hoạt động.

- GV nhận xét, tuyên dương. - GV giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Khám phá - Mục tiêu: + Tìm hiểu cách viết đơn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Đọc đơn dưới đây và trả lời câu hỏi - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập - GV gọi HS đọc đơn: Đơn xin tham gia câu lạc bộ sáng tạo. - GV HD HS thảo luận nhóm 4 và trả lời các câu hỏi dưới đơn. - Gọi các nhóm báo cáo kết quả thảo luận	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập. Cả lớp lắng nghe. - 2 HS đọc đơn. - HS thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu bài tập. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận - HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung - Kết quả: + a. Đơn trên được viết nhằm mục đích xin được tham gia Câu lạc bộ Sáng tạo. + b. Đơn cho bạn Vũ Hải Nam, học sinh lớp 4C, trường Tiểu học Trung Hòa viết. Đơn gửi cho Ban giám hiệu trường Tiểu học Trung Hòa. + c. Người viết đã giới thiệu bản thân, nêu lý do viết đơn, lời hứa, lời cảm ơn. + d. Đơn gồm: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, nơi nhận đơn, nội dung đơn, địa điểm và thời gian viết đơn, chữ ký và họ tên người viết đơn. các mục

- GV nhận xét, chốt kiến thức	trên được sắp xếp theo một trật tự cố định. - HS lắng nghe.
Bài tập 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đơn - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV HD HS chuẩn bị ý kiến để trao đổi. - GV YC HS đọc thầm đơn ở bài tập 1 và tìm những điểm cần lưu ý khi viết loại văn bản này - YC HS thảo luận nhóm 4: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đơn. + Hình thức của đơn. + Nội dung của đơn. - Gọi HS trình bày kết quả	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. - 1 HS đọc thầm đơn ở bài tập 1 - HS thảo luận, trao đổi nhóm 4 - Đại diện các nhóm trình bày kết quả - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Kết quả: + Hình thức của đơn: Đơn viết theo khuôn mẫu, có tiêu ngữ, tên đơn, thông tin về người viết, người nhận đơn, người viết đơn (cần ký và ghi rõ họ tên), người nhận đơn có thể là cá nhân hoặc tập thể. + Nội dung của đơn: (1). Giới thiệu thông tin về bản thân (họ và tên, các thông tin khác: tuổi, lớp học, trường học). (2) Lý do viết đơn (cần trình bày cụ thể); (3) Lời hứa; (4) Lời cảm ơn. - HS lắng nghe. - 1-2 HS nêu - 1-2 HS đọc ghi nhớ
- GV nhận xét, chốt kiến thức - Cần trình bày đơn như thế nào? - GV đưa ra ghi nhớ	

Ghi nhớ Cần trình bày đơn đúng quy định: - Quốc hiệu, tiêu ngữ - Tên đơn - Nơi nhận đơn - Nội dung đơn (giới thiệu bản thân, lí do viết đơn, lời hứa, lời cảm ơn) - Địa điểm, thời gian viết đơn - Chữ kí và họ tên người viết đơn. - GV nhận xét, tuyên dương chung.	
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học - Gọi HS tìm và nêu một vài tình huống cần viết đơn - YC HS trao đổi với người thân về một tình huống cần viết đơn và cách viết đơn đó. - GV nhận xét, tuyên dương HS - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS nhắc lại nội dung bài học - Đơn xin nghỉ học vì bị ốm, xin tham gia câu lạc bộ Tiếng Anh, xin học đàn,... - HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Bài 24: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO (4 tiết)
Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Người tìm đường lên các vì sao*.
- Biết đọc diễn cảm với giọng điệu ca ngợi, khâm phục nhà khoa học, đọc đúng lời thoại của các nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu được nhờ lòng say mê khoa học, khổ công nghiên cứu, kiên trì tìm tòi, sáng tạo suốt 40 năm của nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki để thực hiện thành công ước mơ tìm đường lên các vì sao

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết trân trọng các nhà khoa học và thành quả của họ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài văn, biết yêu quý và trân trọng các nhà khoa học và thành quả của họ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: <i>Hộp quà bí mật</i> để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc đoạn 1 bài: <i>Bét-tô-ven và bản xô - nát “Ánh trăng”</i> và trả lời câu hỏi 2. + Câu 2: Đọc đoạn 2 bài: <i>Bét-tô-ven và bản xô - nát “Ánh trăng”</i> và nêu nội dung bài học. - GV Nhận xét, tuyên dương. - YC HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi: + Kể tên một nhà khoa học hoặc nói những điều mà em biết về người đó? + Hãy nói cho các bạn biết em đọc thông tin về nhà khoa học ở đâu? - Gọi HS chia sẻ câu trả lời - GV nhận xét ý kiến - Nhìn vào bức tranh minh họa và cho biết tranh vẽ gì? - GV cho HS xem tranh ảnh hoặc video về pháo thăng thiên, tên lửa nhiều tầng, cảnh tên lửa, tàu vũ trụ được phóng lên không trung từ đó giới thiệu vào bài học. - GV giới thiệu bài: Từ xa xưa, việc muốn đặt chân lên các vì sao để nghiên cứu tìm hiểu luôn là ước muốn của các nhà khoa học, trong đó có nhà khoa học nổi tiếng Xi-ôn-cốp-xki. Ông đã làm gì để thực hiện được ước mơ của mình, chúng ta cùng đọc bài <i>Người tìm đường lên các vì sao</i> để biết	- HS tham gia trò chơi + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi và nêu nội dung bài học. - HS lắng nghe. - HS làm việc theo nhóm - 2-3 HS chia sẻ câu trả lời theo hiểu biết của mình. - HS lắng nghe - HS trả lời câu hỏi

điều đó.	
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện <i>Trước ngày xa quê</i> . + Biết đọc diễn cảm phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ tình tiết bất ngờ hoặc những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 3 đoạn theo thứ tự: + Đoạn 1: từ đầu đến chuẩn bị lên đường. + Đoạn 2: tiếp theo cho đến thầy và các bạn + Đoạn 3: đoạn còn lại. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>lên đường, chiều trước ngày xa quê, nói chuyện, phẳng lì, nơi ấy thật xa lạ, lìm cây, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Quê tôi ở đây,/ con đường làng gồ ghề,/ vàng óng rơm mùa gặt,/ những lùm cây/ dẫu đầy quả ổi, /quả mâm xôi chín mọng; ...</i> - GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2. - GV nhận xét sửa sai.	- HS lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - 2 học sinh trong bàn đọc nối tiếp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm.

xúc của các nhân vật gửi vào tiếng nhạc như: <i>òà khóc như bị đòn aan, con đường làng gồ ghề, vàng óng rơm mùa gặt, những lùm cây dẫu đầy quả ổi, quả mâm xôi chín mọng,...</i> - Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Hiểu được nhờ lòng say mê khoa học, khổ công nghiên cứu, kiên trì tìm tòi, sáng tạo suốt 40 năm của nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki để thực hiện thành công ước mơ tìm đường lên các vì sao. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV mời 1 HS đọc toàn bài. - GV gọi HS đọc chú giải để giải nghĩa từ mới: <i>khí cầu, sa hoàng.</i> - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. - YC HS thảo luận nhóm 4 và trả lời các câu hỏi trong bài học - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Chi tiết nào cho thấy từ nhỏ Xi-ôn-cốp-xki đã ham tìm tòi, khám phá?	- Cả lớp lắng nghe. - HS đọc chú giải để giải nghĩa từ mới - 1 HS đọc các câu hỏi: - HS thảo luận nhóm 4 và trả lời các câu hỏi trong bài học + Từ nhỏ Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được bay lên bầu trời, ông đại dột nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim. Kết quả ông bị ngã gãy chân.

Câu 2: Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào? - Em thích chi tiết nào? Vì sao? - GV cung cấp thêm những thông tin về nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki. Câu 3: Những nghiên cứu tìm tòi của Xi-ôn-cốp-xki đã đem lại kết quả gì? - GV cho HS xem tranh ảnh hoặc video về khí cầu tên lửa nhiều tầng. Câu 4: Theo em nhan đề <i>Người tìm đường lên các vì sao</i> muốn nói điều gì?	Nhưng rủi ro lại làm nảy ra trong đầu óc non nớt của ông lúc bấy giờ một câu hỏi: Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được? Để tìm hiểu điều bí mật đó, Xi-ôn-cốp-xki đọc không biết bao nhiêu là sách. Nghĩ ra điều gì ông lại hì hục làm thí nghiệm, có khi đến hàng trăm lần. + Quanh năm ông chỉ ăn bánh mì suông, để dành dụm tiền mua sách vở và dụng cụ thí nghiệm, làm nhiều lần thí nghiệm, ông đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay bằng kim loại. Sa hoàng chưa tin nên không ủng hộ. Không nản chí, ông tiếp tục đi sâu vào lý thuyết bay trong không gian, hơn 40 năm khổ công nghiên cứu,... - HS trả lời theo ý kiến riêng - HS lắng nghe + Xi-ôn-cốp-xki đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay bằng kim loại, đề xuất mô hình tên lửa nhiều tầng trở thành một phương tiện bay tới các vì sao và ông đã thực hiện được điều ông hằng tâm niệm: Các vì sao không phải để tôn thờ mà để chinh phục. - HS quan sát - HS trả lời theo ý hiểu VD: Nhan đề <i>Người tìm đường lên các vì sao</i> ca ngợi ý chí, nghị lực, lòng say mê khoa học và kết quả nghiên cứu đã
--	---

Câu 5: Nếu trở thành một nhà khoa học, em muốn sáng chế những gì? Vì sao? - GV nhận xét, chốt lại (khuyến khích những ý tưởng sáng tạo, điều chỉnh những sáng chế chưa hợp lý của học sinh) - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Hiểu được nhờ lòng say mê khoa học, khổ công nghiên cứu, kiên trì tìm tòi, sáng tạo suốt 40 năm của nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki để thực hiện thành công ước mơ tìm đường lên các vì sao.	góp phần tạo nên phương tiện bay tới các vì sao của Xi-ôn-cốp-xki. - HS trả lời theo ý kiến riêng của mình - HS lắng nghe. - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học.
3.2. Luyện đọc lại. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật - Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 4 - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm 4. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3.3. Luyện tập theo văn bản. 1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm những tính từ nêu phẩm chất của nhà khoa học - Gọi HS đọc yêu cầu bài 1	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. 2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Đặt 2-3 câu giới thiệu về một nhà khoa học hoặc một phát minh khoa học mà em biết. - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em) - GV nhận xét, tuyên dương	- Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét. + Những tính từ nêu phẩm chất của nhà khoa học: miệt mài, thông thái, thông minh, kiên trì, ... - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - HS trình bày kết quả - Nhận xét - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết trân trọng các nhà khoa học và thành quả của họ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: <i>Hái hoa</i> để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn. + Em hãy đọc diễn cảm đoạn 2 của bài <i>Người tìm đường lên các vì sao</i>. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc diễn cảm
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 24: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO (4 tiết)

Tiết 3: VIẾT
Bài: VIẾT ĐƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Dựa vào mẫu đơn đã học, viết được đơn theo yêu cầu.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để viết đơn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng, yêu quý bạn bè.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: <i>Hộp quà bí mật</i> . Nội dung: + Câu 1: Nêu hình thức của đơn	- HS tham gia trò chơi - HS trả lời câu hỏi

+ Câu 2: Nêu nội dung của đơn - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: + Hôm trước các em đã tìm hiểu cách viết đơn. Vậy các em có muốn tự viết 1 lá đơn của mình không? - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS trả lời câu hỏi - HS lắng nghe
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + Dựa vào mẫu đơn đã học, viết được đơn theo yêu cầu. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
- Gọi một học sinh đọc đề bài Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết đơn xin tham gia câu lạc bộ em yêu thích. Đề 2: Viết đơn xin nghỉ một buổi học. - GV HD HS chọn 1 trong 2 đề bài 2.1. Dựa vào mẫu đơn trong hoạt động Viết ở bài 23, viết đơn theo yêu cầu em đã chọn - GV dành thời gian cho HS đọc lại mẫu đơn ở bài 23, suy nghĩ về nội dung cần viết trong đơn - GV gợi ý: + Đơn được gửi cho ai? Lý do viết đơn là gì? Các mục trong đơn được trình bày như thế nào? - GV cho HS viết đơn 2.2. Đọc soát và chỉnh sửa - GV YC HS tự đọc bài của mình, soát lỗi theo gợi ý. - GV chiếu lên màn hình một số bài làm của các HS và chữa nhanh - GV khen ngợi những bài viết đúng yêu	- 1 HS đọc đề bài - HS lắng nghe - HS chọn 1 trong 2 đề bài - HS đọc bài của mình và suy nghĩ về nội dung cần viết trong đơn - HS lắng nghe - HS viết bài - HS tự đọc bài của mình, soát lỗi theo gợi ý. - HS ghi lại những điều em muốn học tập

cầu đầy đủ các mục trong đơn và diễn đạt rõ ràng.	- HS lắng nghe.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để viết đơn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. + GV yêu cầu HS hoàn thiện lại bài viết đơn của mình và kể lại cho người thân nghe - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Bài 24: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO (4 tiết)

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm đọc câu chuyện về một nhà khoa học, nắm được những thông tin trong câu chuyện, ghi được thông tin vào phiếu đọc sách). Biết chia sẻ thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh đã đọc.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tìm đọc thêm sách, truyện viết về nhà khoa học, nắm được những thông tin trong câu chuyện và chia sẻ với người thân. Nêu được suy nghĩ, nhận thức, đánh giá của mình về những thông tin ấy.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, nắm được những thông tin trong câu chuyện và chia sẻ với người thân. Nêu được suy nghĩ, nhận thức, đánh giá của mình về những thông tin ấy.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

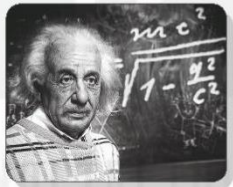
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động theo nhạc - GV nhận xét, tuyên dương - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia hoạt động - HS lắng nghe.
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm đọc câu chuyện về một nhà khoa học, nắm được những thông tin trong câu chuyện, ghi được thông tin vào phiếu đọc sách). Biết chia sẻ thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh đã đọc. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
2.1. Đọc một câu chuyện về nhà khoa	

học

- GV cho HS quan sát ảnh của ba nhà khoa học nổi tiếng trong sách, đọc tên của các nhà khoa học dưới ảnh.



I-xắc Niu-tơn



An-be Anh-xtanh



Ma-ri Quy-ri

- GV HD HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng theo yêu cầu nêu trong sách
- GV HD HS cách chọn bài đọc theo chủ đề
- GV tổ chức cho HS đọc theo nhóm 4
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe và thực hiện.

- HS chia sẻ

- HS lựa chọn bài đọc theo chủ đề

- HS đọc theo nhóm 4

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

2.2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện: 🌟	Tác giả: 🌟	Ngày đọc: 🌟
Tên nhà khoa học: 🌟	Phát minh hoặc đóng góp của nhà khoa học: 🌟	
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 2: Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.

- Các nhóm làm việc theo yêu cầu.

+ HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.

+ HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.

- Đại diện nhóm trình bày.

- Các nhóm nhận xét cho nhau.

- Lớp theo dõi bổ sung.

- GV mời các nhóm trình bày kết quả.

- GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương HS

2.3. Trao đổi với bạn những thông tin về

một nhà khoa học hoặc một phát minh nêu trong câu chuyện mà em đã đọc. - HS trao đổi với các bạn những thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh nêu trong câu chuyện mà em đã đọc. (VD: Tên nhân vật (nhà khoa học), phát minh hoặc đóng góp của nhà khoa học, đặc điểm nổi bật của nhà khoa học, suy nghĩ của em về nhà khoa học, ...) - GV nhận xét chung, tuyên dương HS - GV hướng dẫn học sinh đọc thêm các cuốn sách: Phát minh và khám phá, Marie Curie, Einstein, ...	- HS làm việc nhóm 4 trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc - Đại diện các nhóm trao đổi trước lớp - Lớp theo dõi nêu ý kiến bổ sung - HS lắng nghe - HS lắng nghe và tìm đọc
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài - GV cho HS thực hiện <i>Tìm đọc thêm một số cuốn sách, truyện viết về nhà khoa học và chia sẻ những thông tin thú vị với người thân</i> - GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, thực hiện. - HS nhận xét. - HS lắng nghe và thực hiện
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TUẦN 14:

CHỦ ĐỀ 4: CHẤP CÁNH ƯỚC MƠ

Bài 25: BAY CÙNG ƯỚC MƠ (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Bay cùng ước mơ. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Ai cũng có ước mơ và ước mơ nào cũng rất đẹp. Có ước mơ, chia sẻ về ước mơ và nuôi dưỡng ước mơ là cách để chúng ta cố gắng phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn.
- Biết hình thành và nuôi dưỡng ước mơ, tôn trọng ước mơ của bản thân và người khác, nỗ lực trong hành trình thực hiện ước mơ của mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về ước mơ của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.

- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Ai cũng có ước mơ và ước mơ nào cũng rất đẹp. Có ước mơ, chia sẻ về ước mơ và nuôi dưỡng ước mơ là cách để chúng ta cố gắng phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn.

- Biết hình thành và nuôi dưỡng ước mơ, tôn trọng ước mơ của bản thân và người khác, nỗ lực trong hành trình thực hiện ước mơ của mình.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về ước mơ của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài thơ, biết yêu quý bạn bè, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tranh ảnh minh họa bài đọc

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Em hãy nêu tên bài học trước? + Câu 2: Nêu 1 chi tiết mà em thích trong bài đọc. + Câu 3: Nêu nội dung chính của bài người tìm đường lên các vì sao. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi, nội dung bài hát... để khởi động vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi + Người tìm đường lên các vì sao. + HS nêu + Nhờ lòng say mê khoa học, khổ công nghiên cứu, kiên trì tìm tòi, sáng tạo suốt 10 năm của nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki để thực hiện thành công ước mơ tìm đường lên các vì sao - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Bay cùng ước mơ. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.	

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 4 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu đến áo mưa bay phấp phới. + Đoạn 2: Tiếp theo đến mở mắt và mơ thôi. + Đoạn 3: Tiếp theo đến ước mơ làm cô giáo. + Đoạn 4: Còn lại. - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>lưng đòi, tím lịm, nâu sậm, lưng lơ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: Những vườn rau xanh mướt,/ với rất nhiều bù nhìn / làm bằng rơm vàng óng/ hoặc nâu sậm,/ gắn thêm các mảnh áo mưa / bay phấp phới.; Cứ thế,/ chúng tớ thay đổi ước mơ liên tục,/ cho đến những tia nắng cuối ngày nấp sau lưng đòi/ hoặc đi ngủ từ lúc nào không hay.;...	- Hs lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 5 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm: Giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp của các nhân vật. - Mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bốn (mỗi học sinh đọc đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp:	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 4 HS đọc nối tiếp các khổ thơ. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

+ GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	+ Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Ai cũng có ước mơ và ước mơ nào cũng rất đẹp. Có ước mơ, chia sẻ về ước mơ và nuôi dưỡng ước mơ là cách để chúng ta cố gắng phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Tìm thông tin diễn ra câu chuyện (thời gian, địa điểm) + Câu 2: Các bạn nhỏ cảm nhận như thế nào khi quan sát ngôi làng và bầu trời? + Câu 3: Các bạn nhỏ đã ước mơ những gì? Đóng vai một bạn nhỏ trong câu chuyện, nói về ước mơ của mình và giải thích vì sao mình có ước mơ đó.	- HS trả lời lần lượt các câu hỏi: + Địa điểm: bãi cỏ ở lưng đồi; Thời gian: buổi chiều. + Ngôi làng được miêu tả đẹp như một bức tranh: Những mái nhà cao thấp, nhấp nhô. hoặc nâu sậm, gắn thêm các mảnh áo mưa bay phấp phới. + Các bạn nhỏ đã ước mơ: - Tuyệt ước mơ làm cô giáo. - Văn ước mơ làm chú bộ đội. - Điệp ước mơ làm y tá. - Mình là Tuyệt. Mình ước mơ được làm họa sĩ. Vì từ bé, mình đã đam mê tái hiện các hình ảnh, sự vật lên không

+ Câu 4: Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh. - GV có thể nói thêm: Ước mơ của mỗi người đều rất phong phú. Ước mơ sẽ thay đổi theo nhận thức và suy nghĩ của chúng ta. Nhưng dù có thay đổi bao nhiêu lần, thì có một điểm chung giữa các ước mơ là luôn hướng con người tới những điều tốt đẹp. Việc thay đổi ước mơ là việc rất bình thường và đáng yêu của trẻ nhỏ. Ước mơ càng bay cao, bay xa, thì tương lai sẽ càng có khả năng tốt đẹp. + Câu 5: Nếu tham gia vào câu chuyện của các bạn nhỏ em sẽ kể những gì về ước mơ của mình? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Ai cũng có ước mơ và ước mơ nào cũng rất đẹp. Có ước mơ, chia sẻ về ước mơ và nuôi dưỡng ước mơ là cách để chúng ta cố gắng phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn.	gian hai chiều. Do đó, mình đã tiếp xúc với màu, với giấy vẽ, bút vẽ. + Đó là hình ảnh rất đẹp tượng trưng cho những ước mơ của các bạn nhỏ luôn bay thật cao thật ra ước mơ càng bay cao bay xa thì các bạn nhỏ sẽ càng cố gắng thực hiện ước mơ để có cuộc sống tốt đẹp hơn - HS lắng nghe. - 2 – 3 HS chia sẻ - HS lắng nghe. - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học.
3.2. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm. - Mời một số học sinh đọc nối tiếp. - HS đọc theo nhóm 4 - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm. - HS đọc nối tiếp theo đoạn. Đọc một số lượt. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	

+ Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về vẻ riêng của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc diễn cảm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 25: BAY CÙNG ƯỚC MƠ (3 tiết)

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố khái niệm về tính từ (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).
- Biết nhận diện sử dụng tính từ trong các trường hợp cụ thể, biết sử dụng các từ chỉ mức độ kết hợp với tính từ.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. GV cho HS nghe bài Quả rồi yêu cầu HS tìm các tính từ có trong bài hát đó. HS nào tìm được nhiều nhất sẽ dành chiến thắng - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi để khởi động vào bài mới.	- HS nêu: Tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái. - HS tham gia trò chơi - Tính từ: chua, cứng, cao, dai, đau, thơm lừng, to... - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: - Củng cố khái niệm về tính từ (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...). - Biết nhận diện sử dụng tính từ trong các trường hợp cụ thể, biết sử dụng các từ chỉ mức độ kết hợp với tính từ. - Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: (Làm việc cá nhân) Tìm từ ngữ thích hợp để tả độ cao tăng dần của mỗi con vật trong hình. - GV mời 1 HS đọc câu lệnh và chiếu/ treo	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS quan sát

tranh các con vật ở bài tập 1 lên bảng để HS quan sát.

- GV yêu cầu HS so sánh độ cao các con vật trong tranh và chọn từ ngữ thích hợp để tả độ cao của nó.
- Gọi HS chia sẻ kết quả
- GV và HS nhận xét, thống nhất kết quả.

- GV nói thêm: Bài tập này giúp các em biết về các từ chỉ mức độ như hơi, khá, rất có thể kết hợp với tính từ. Ngoài các từ này, các em còn có thể sử dụng các từ chỉ mức độ như lắm, quá (thường sử dụng khi nói).

Bài 2 (Làm việc nhóm đôi) Đặt 3 câu có dùng từ hơi, khá, rất, quá, lắm kết hợp với từ chậm hoặc nhanh để tả đặc điểm của các con vật theo mẫu

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi tả đặc điểm hoạt động của từng con vật trong tranh theo yêu cầu.



- GV lưu ý khuyến khích HS tìm nhiều từ ngữ chỉ hoạt động khác nhau. VD: Hoạt động di chậm có thể có: đi, bò, nhích từng bước,.... Hoạt động di chuyển nhanh có thể có: chạy, phi, lao, lướt...

- GV gọi đại diện 2-3 nhóm trình bày kết quả.
- GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung nếu có.

- HS so sánh rồi chọn từ ngữ thích hợp để tả độ cao.



- HS lắng nghe

- HS làm việc theo nhóm.

- HS đọc yêu cầu
- HS thảo luận nhóm đôi

- HS lắng nghe
- Đại diện các nhóm trình bày.
 - + Tranh 1: Gấu túi di chuyển hơi chậm. Rùa nhích từng bước khá chậm. Ốc sên bò rất chậm.
 - + Tranh 2: Mèo chạy khá nhanh. Ngựa đang phi nhanh quá! Báo đang lao đi rất nhanh.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.
- Bài 3. (Làm việc nhóm 4)
- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.
 - GV hướng dẫn HS: Các từ trong 1 hàng được sắp xếp theo mức độ tăng dần về màu sắc từ trái sang phải, nghĩa là trắng trắng chỉ màu trắng ở mức độ nhạt, sau đó đến mức độ tiêu chuẩn (trắng) và cuối cùng là mức độ đậm (trắng tinh).
 - HS làm việc nhóm 4 rồi điền kết quả của nhóm mình vào phiếu học tập.
 - GV gọi 2-3 nhóm trình bày trước lớp.
 - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung nếu có.
 - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.
 - GV lưu ý: Các kết hợp từ như: tím nhạt, tím thẫm, tím sẫm, tím đậm,...Mặc dù đây không phải là từ mà là cụm từ vẫn có thể chấp nhận các đáp án này.

Bài 4

- GV mời HS đọc yêu cầu
 - Gọi HS nêu sự khác nhau giữa các phương án có thể thay thế cho 1 từ ngữ in đậm
- VD: Thay cho từ “vàng” có thể là vàng rực hoặc vàng nhạt nhưng từ rất vàng là từ ngữ chỉ mức độ màu sắc ở mức cao nên từ cần thay thế là vàng rực.
- GV tổ chức cho HS thi điền bằng cách lên dán từ cần điền vào bảng phụ GV đã chuẩn bị.
 - GV nhận xét, tuyên bố nhóm chiến thắng.
 - GV gọi HS đọc 2 – 3 nhóm đọc đoạn văn đã thay thế từ ngữ.
 - GV chốt: Các từ ngữ được in đậm và các từ ngữ thay thế để thể hiện mức độ của đặc điểm.

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.
- HS đọc yêu cầu.
- HS lắng nghe
- Các nhóm thảo luận rồi điền kết quả vào phiếu bài tập

trắng trắng	Trắng	Trắng tinh, trắng xóa...
Đỏ đỏ	Đỏ	Đỏ rực, đỏ ối, đỏ au, đỏ chót, đỏ chói...
Tím tím	Tím	Tím lịm, tím ngắt...
Xanh xanh	xanh	Xanh rì, xanh biếc, xanh ngắt, xanh lè, xanh lét...

- HS đọc yêu cầu
 - HS lắng nghe
 - HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh:
- Mặt trời vừa hé những tia nắng đầu ngày. Thoáng chốc, nắng đã bùng lên tỏa khắp nơi, khiến vạn vật đều **vàng rực** theo màu nắng. Những đám mây trôi **chậm rãi** trên nền trời **xanh xanh** như dùng dằng chờ gió đến đẩy đi. Chờ mãi gió không tới, mây lại đứng soi mình xuống mặt hồ nước **trong veo**, phẳng lặng.
- HS lắng nghe
 - HS lấy ví dụ khác

Như vậy, để thể hiện mức độ của tính từ, chúng ta có thể kết hợp tính từ với hơi, khá, rất, quá, nặng hoặc dùng các tính từ thể hiện mức độ (như trong veo, trắng tinh, vàng rực, xanh xanh), các kết hợp từ tạo ra dựa trên một từ chỉ mức độ tiêu chuẩn (đỏ thắm, đỏ đậm, đỏ nhạt). Ngoài hai cách đã nêu trong bài học, chúng ta còn có thể tạo ra phép so sánh.	VD: - Tờ giấy này trắng hơn. - Tờ giấy này trắng nhất.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV đưa ra từ nhanh, chậm. Yêu cầu HS tìm các từ chỉ mức độ di chuyển. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm, đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 25: BAY CÙNG ƯỚC MƠ (3 tiết)

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết cấu trúc của một bài văn miêu tả con vật.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về ước mơ của mỗi người trong gia đình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS hát bài Mèo con rửa mặt để giới thiệu vào bài. - Các em thấy bài hát có hay không?	- Cả lớp hát đồng thanh - HS trả lời theo ý hiểu

- Các em ạ! Các con vật xung quanh chúng ta đều có rất đáng yêu và ngộ nghĩnh. Vậy hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu, nhận biết cấu trúc của một bài văn miêu tả con vật. Vậy để viết bài văn đó như thế nào thì cô mời cả lớp cùng bắt đầu tìm hiểu nhé!	- HS lắng nghe
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhận biết cấu trúc của một bài văn miêu tả con vật. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
*Bài 1: Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu. a. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn trên. Nêu nội dung chính của mỗi phần. b. Phần thân bài có mấy đoạn? Mỗi đoạn miêu tả đặc điểm gì của con rùa? - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. - GV mời cả lớp làm việc chung. - GV mời một số HS trình bày. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung: <i>Qua bài tập 1 các em đã được nhận biết cấu trúc của một bài văn miêu tả con vật. Các em sẽ được tìm hiểu về các cách mở bài và kết bài khác nhau.</i> Bài 2: Nêu những điểm khác nhau giữa hai cách mở bài và hai cách kết bài dưới đây: - GV cho HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau: * Về mở bài:	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc chung, cùng suy nghĩ để trả lời từng ý: + Phần mở bài: Đoạn đầu tiên. + Phần thân bài: 2 đoạn tiếp theo. + Phần kết bài: Đoạn cuối cùng. b. Phần thân bài có 2 đoạn. - Đoạn 1: Miêu tả những đặc điểm của chú rùa là: mai, đầu, đôi mắt - Đoạn 2: Miêu tả những đặc điểm của chú rùa là: chân, móng, chày đi bộ. - HS đọc yêu cầu bài tập - HS thảo luận rồi điền kết quả vào phiếu học tập GV đã chuẩn bị sẵn. - Một số nhóm trình bày trước lớp.

+ Mỗi đoạn văn gồm có mấy câu? + Với đoạn văn chỉ có 1 câu, nội dung của câu đó là gì (hoặc câu đó giới thiệu như thế nào về con vật)? + Với đoạn văn có nhiều hơn 1 câu, câu nào là câu giới thiệu về con vật cần tả? Câu đầu tiên trong đoạn làm nhiệm vụ gì? * Về kết bài: + + Mỗi đoạn văn gồm có mấy câu? + Với đoạn văn chỉ có 1 câu, nội dung của câu đó là gì (hoặc người viết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc gì với con vật qua câu đó?)? + Với đoạn văn có nhiều hơn 1 câu, câu nào là câu nêu cảm xúc, suy nghĩ của người viết với con vật? Những câu còn lại cho biết điều gì? - GV mời mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung. - GV mời HS nêu ghi nhớ của bài. Bài văn miêu tả con vật thường gồm 3 phần: - MB: Giới thiệu về con vật theo cách MB trực tiếp hoặc gián tiếp. - TB: Tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động của con vật. - KB: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về con vật theo cách kết bài mở rộng hoặc không mở rộng. - GV nhận xét chung.	<table><tr><th>Các đoạn văn</th><th>Hình thức</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>MB trực tiếp</td><td>Ngắn gọn</td><td>Giới thiệu ngay về con vật</td></tr><tr><td>MB gián tiếp</td><td>Nhiều hơn 1 câu</td><td>Dẫn dắt về các SV, hiện tượng khác, sau đó mới giới thiệu về con vật.</td></tr><tr><td>KB mở rộng</td><td>Nhiều hơn 1 câu</td><td>Nêu suy nghĩ, cảm xúc và có liên hệ mở rộng.</td></tr><tr><td>KB không mở rộng</td><td>Ngắn gọn</td><td>Nêu ngay suy nghĩ, cảm xúc với con vật và không liên hệ mở rộng</td></tr></table>	Các đoạn văn	Hình thức	Nội dung	MB trực tiếp	Ngắn gọn	Giới thiệu ngay về con vật	MB gián tiếp	Nhiều hơn 1 câu	Dẫn dắt về các SV, hiện tượng khác, sau đó mới giới thiệu về con vật.	KB mở rộng	Nhiều hơn 1 câu	Nêu suy nghĩ, cảm xúc và có liên hệ mở rộng.	KB không mở rộng	Ngắn gọn	Nêu ngay suy nghĩ, cảm xúc với con vật và không liên hệ mở rộng
	Các đoạn văn	Hình thức	Nội dung													
	MB trực tiếp	Ngắn gọn	Giới thiệu ngay về con vật													
	MB gián tiếp	Nhiều hơn 1 câu	Dẫn dắt về các SV, hiện tượng khác, sau đó mới giới thiệu về con vật.													
	KB mở rộng	Nhiều hơn 1 câu	Nêu suy nghĩ, cảm xúc và có liên hệ mở rộng.													
KB không mở rộng	Ngắn gọn	Nêu ngay suy nghĩ, cảm xúc với con vật và không liên hệ mở rộng														
	- 2-3 HS đọc to ghi nhớ															
	- HS lắng nghe.															

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Biết viết bài văn miêu tả con vật đúng cấu trúc.

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài tập: Quan sát một con vật (trong nhà, trong tranh ảnh hoặc trên ti vi,...), tìm một số tính từ tả đặc điểm ngoại hình của con vật đó. Ghi chép và trao đổi với người thân những tính từ tìm được. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 - GV mời HS làm việc cá nhân. - GV cho HS chọn 1 con vật nuôi (trong nhà, trong tranh ảnh hoặc trên ti vi,...), quan sát thật kỹ và tìm 1 số tính từ tả đặc điểm ngoại hình của con vật đó. - 1 số HS trình bày bài. - GV mời HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - HS quan sát con vật và thực hiện yêu cầu. - Một số tính từ tả đặc điểm ngoại hình của con mèo: đôi mắt to tròn, long lanh, chiếc đuôi dài, bộ lông mềm mượt,....
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. + GV chuẩn bị một số tờ giấy A3 + Chia lớp thành 4-5 nhóm + GV cho mỗi nhóm quan sát một con vật như: mèo, chó, lợn, hổ, khỉ... các nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết 1 đoạn văn miêu tả đặc điểm của con vật đó (khoảng 3-4 câu). Nhóm nào làm đúng, viết hay sẽ giành chiến thắng. - GV nhận xét tiết dạy.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Dặn dò bài về nhà.	
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	
.....	
.....	
.....	
.....	

Bài 26: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN (4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Con trai người làm vườn*.
- Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật
- Nhận biết được sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu truyện: Cứng quyết tâm, kiên trì và cố gắng, chúng ta sẽ thực hiện được ước mơ của mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài văn, biết yêu quý và tôn trọng ước mơ của người khác
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV mời 1 HS nêu yêu cầu của phần khởi	- HS nêu: Trao đổi với bạn những hiểu

động - GV chiếu tranh cho khởi động - GV mời HS nêu nội dung tranh minh họa bài đọc + Phòng của bạn nhỏ có gì đặc biệt ? + Bạn nhỏ đang đọc sách gì ? + Em đoán xem cha bạn nhỏ làm nghề gì? - GV giới thiệu khái quát bài đọc: Mỗi người đều có rất nhiều ước mơ. Ước mơ có thể to lớn, vĩ đại trở thành siêu anh hùng giải cứu trái đất,.....,có thể chỉ nhỏ bé, khiêm nhường (dậy sớm một lần để nhìn thấy mặt trời mọc, ...) nhưng ước mơ nào cũng đáng trân trọng. Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài Con trai người làm vườn. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện ước mơ điều gì, ước mơ đó mãi mãi liệt ra sao và bạn nhỏ đã thực hiện ước mơ của mình như thế nào.	biết về công việc của một thủy thủ - HS làm việc nhóm - 2,3 HS lần lượt phát biểu ý kiến - HS có thể nêu những hiểu biết về trang phục khi làm việc,công việc,nơi làm việc của một thủy thủ - HS trả lời: + Bạn nhỏ đang nằm trên giường đọc sách. Trong phòng bạn nhỏ có nhiều tranh ảnh dán nhiều tranh ảnh..... - Học sinh lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện <i>Con trai người làm vườn</i> + Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của từng nhân vật - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt	- HS lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn

nghe câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 4 đoạn theo thứ tự: + Đoạn 1: từ đầu đến người cha nói + Đoạn 2: tiếp theo cho đến nhìn thấy chúng + Đoạn 3: tiếp theo cho đến sự dũng cảm của anh + Đoạn 4: đoạn còn lại - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>làm vườn, giảng giải, mãnh liệt, nể phục, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Anh bình tĩnh/hướng dẫn mọi người/đối phó với mưa bão và hải tặc.</i> <i>Nhìn anh chần chệ sinh lực,/ sắc mặt tươi tắn/bờ vai to khỏe,?người cha cảm động rơi nước mắt.</i> - GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2. - GV nhận xét sửa sai.	cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - 2 học sinh trong bàn đọc nối tiếp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật gửi vào tiếng nhạc như: <i>Vô cùng, giảng giải, khát khao, mãnh liệt, giữ nguyên, ...</i> - Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp:	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc

+ GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật + Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cứng quyết tâm, kiên trì và cố gắng, chúng ta sẽ thực hiện được ước mơ của mình. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV mời 1 HS đọc toàn bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1:Ước mơ của cậu bé và mong muốn của người cha khác nhau như thế nào? Câu 2: Những chi tiết nào thể hiện ước mơ mãnh liệt của cậu bé ?	- Cả lớp lắng nghe. - HS trả lời lần lượt các câu hỏi: + Cậu bé ước mơ làm thuyền trưởng nhưng người cha mong cậu trở thành người làm vườn + Chi tiết: Khi người cha giảng giải về công việc làm vườn nhưng cậu không chú ý mà ánh mắt lại hướng về phía xa xăm, chắt chứa niềm khát khao mãnh liệt. + Chi tiết: Cậu tìm báo, tạp chí giới thiệu về các loại thuyền tàu, cắt hình con tàu dán lên đầu giường để hằng ngày nhìn thấy chúng. + Chi tiết: Khi lớn khôn,dù các bạn đều tiếp quản công việc của cha mẹ mình

Câu 3:Người con được miêu tả như thế nào khi đã trưởng thành và về thăm cha ? - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân - GV kết luận thêm: Những chi tiết miêu tả người con cho thấy hình ảnh người con khi về thăm cha là hình ảnh của một người trưởng thành, thành công trong công việc của mình và rất hạnh phúc với công việc đó. Câu 4:Theo em, vì sao người cha rơi nước mắt khi người con trở về? - GV cho HS trao đổi ý kiến trong nhóm và đại diện nhóm sẽ biểu ý kiến. Câu 5: Câu chuyện muốn nói điều gì? Tìm câu trả lời đúng. - GV hướng dẫn HS thực hiện - GV nhận xét, tuyên dương - Chốt đáp án: B. Có đam mê và lòng kiên trì thì sẽ thực hiện được ước mơ. - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Cứ quyết tâm, kiên trì và cố gắng, chúng ta sẽ thực hiện được ước mơ của mình.	nhưng cậu bé vẫn giữ nguyên tình yêu với biển và kiên trì thực hiện ước mơ hồi nhỏ của mình. - HS làm việc cá nhân: Đọc lại bài, tìm đoạn văn nói về người con khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha + Ngoại hình: Sắc mặt tươi tắn, bờ vai to khỏe, tràn đầy sinh lực + Cảm xúc: hạnh phúc, tự hào - HS nghe - HS trao đổi ý kiến trong nhóm - 2,3 HS phát biểu ý kiến + Vì người cha cảm động, thấy con mình trưởng thành trong công việc. + Vì người cha ân hận khi thấy mình đã sai khi trước đây đã không ủng hộ ước mơ của con, cho rằng ước mơ hão huyền + Vì người cha rất yêu con. - 1 HS đọc to câu hỏi và các phương án trả lời - Cả lớp đọc thầm theo - HS suy nghĩ câu trả lời - Trao đổi nêu ý kiến trong nhóm - Đại diện các nhóm nêu ý kiến - HS lắng nghe. - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học.
3.2. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm. - Mời một số học sinh đọc nối tiếp.	- HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm. - 2 HS đọc nối tiếp đọc 2 đoạn trước

- GV nhận xét góp ý cách đọc diễn cảm	lớp - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp
3.3. Luyện tập theo văn bản. 1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm các danh từ chỉ người làm việc trên biển trong đoạn văn - Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét. GV giải thích từ: <i>hải tặc</i> – nghĩa là cướp biển, đi cướp tài sản của người khác không phải công việc nên không phải đáp án đúng - GV nhận xét chung, tuyên dương. 2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Đóng vai người con trai, kể cho bố nghe về hành trình trên biển của mình. - GV lưu ý học sinh sử dụng các từ ngữ xưng hô, các từ ngữ thể hiện sự kính trọng với bố - GV khuyến khích HS tưởng tượng thêm các chi tiết để bài nói thêm sinh động, ấn tượng(chi tiết tả cảnh biển, tả con tàu, chi tiết khi chiến đấu với hải tặc,...) - Mời một số HS trình bày - GV nhận xét, tuyên dương	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày. + <i>thủy thủ,thuyền trưởng, thuyền phó</i> - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - HS đóng vai người con trai trong câu chuyện kể theo cách của mình. - 2,3 HS đóng vai kể chuyện - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: biết yêu quý và tôn trọng ước mơ của người khác + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã

trò chơi sau bài học để học sinh nói về ước mơ của mình	học vào thực tiễn.
- Nhận xét, tuyên dương.	- Một số HS tham gia thi nói về ước mơ của mình
- GV nhận xét tiết dạy.	
- Dặn dò bài về nhà.	
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	
.....	
.....	

Bài 26: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN (4 tiết)

Tiết 3: VIẾT

Bài: QUAN SÁT CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết quan sát tìm ý cho bài văn miêu tả con vật
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng những kiến thức quan sát được để phân biệt được đặc điểm, hoạt động của từng loài vật

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng quan sát và tìm ý trong bài văn miêu tả con vật
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học biết yêu quý các loài vật sống xung quanh mình
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức khởi động bài học bằng bài hát: <i>Gà trống, mèo con và cún con</i> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: + Bài hát nhắc đến những con vật nào ? + Mỗi con vật có những đặc điểm gì ? - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS hát và vận động theo bài hát - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện. + 1-2 HS trả lời theo suy nghĩ của hình.
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + Biết các bước quan sát con vật + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bước 1.Chuẩn bị: - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân + <i>Các em có thể lựa chọn quan sát những con vật như thế nào?</i> + <i>Các hình thức quan sát nào?</i> + <i>Có thể quan sát bằng những giác quan nào ?</i> - GV nhận xét, kết luận Bước 2: Quan sát và ghi chép các kết quả quan sát - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm	- HS chuẩn bị lựa chọn cho mình con vật để quan sát + Con vật nuôi trong nhà: chó, mèo, gà,... + Động vật hoang dã: hổ, báo, khỉ, voi,... - HS nêu: + Quan sát trực tiếp + Quan sát qua tivi, sách báo, tranh,... - HS nêu: Quan sát bằng mắt, mũi, tai, tay,... - 1 HS nêu yêu cầu và đọc các gợi ý trong SGK

- GV mời cả lớp làm việc nhóm .
- Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- Hướng dẫn HS quan sát theo 2 bước
 - a. Đặc điểm ngoại hình
 - b. Hoạt động, thói quen
- GV lưu ý HS cần quan sát kĩ đặc điểm nổi bật của con vật khiến em thấy thú vị
VD: sừng trâu cong vút, đuôi mèo dài, mõ vẹt khoằm,...
- Gv lưu ý HS quan sát kĩ hoạt động nổi bật của con vật khiến em thấy thú vị
VD: mèo chạy nhảy êm như ru, rùa bò chậm, ngựa chạy nhanh,.....
- GV mời các nhóm nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.
- GV nhận xét kết luận

Bước 3. Sắp xếp ý

- Hướng dẫn HS có thể sắp xếp ý theo 2 cách sau
 - * Cách 1: + Miêu tả đặc điểm ngoại hình
+ Miêu tả hoạt động
 - * Cách 2: Miêu tả đặc điểm ngoại hình hợp tả hoạt động.
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn trong việc quan sát tìm ý
- GV nhận xét nhanh một phần ghi chép kết quả quan sát đã sắp xếp của học sinh
- GV kết luận

Bước 4: Trao đổi góp ý

- Tổ chức cho HS làm việc theo cặp

- HS làm việc nhóm 4
- Quan sát sau đó ghi chép kết quả vào phiếu

a.

Đặc điểm ngoại hình		
Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Lông (da)
Nhỏ bé,...	Trắng muốt,...	Mềm mại,...

Đặc điểm của từng bộ phận

Mắt	Mũi	Miệng	Đặc điểm khác
To tròn,...	Nhỏ xiu,...	Cong cong,...	

b.

Nằm	Chạy	Trèo cây	Hoạt động khác
Cuộn tròn,...	Êm ru,...	Nhanh thoăn thoắt,...	

- 1 HS nêu yêu cầu
- Nêu 2 cách sắp xếp ý

- HS làm việc cá nhân sắp xếp ý viết vào vở

- Đối chiếu vở với bạn trong bàn đọc thầm phần ghi chép của bạn và nhận xét cho bạn	- HS làm việc theo cặp - Đối chiếu vở với bạn trong bàn đọc thầm phần ghi chép của bạn và nhận xét cho bạn theo 2 ý + Ghi chép được các đặc điểm ngoại hình hoạt động của học sinh + Ghi chép được đặc điểm nổi bật của con vật
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng những kiến thức quan sát được để phân biệt được đặc điểm, hoạt động của từng loài vật + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Kể tên các con vật ”. + GV chuẩn bị bảng phụ + Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS) + Mời các nhóm trình bày. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia chơi trò chơi trong thời gian 3 phút đội nào kể tên được nhiều con vật và tìm đúng được từ chỉ đặc điểm, hoạt động của con vật đó thì đội đó thắng cuộc - Các nhóm tham vận dụng. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 26: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN (4 tiết)

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

Bài: ƯỚC MƠ CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết nói trước nhóm, trước lớp về những ước mơ của mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý, tôn trọng, lắng nghe và nhận xét về bạn.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Ước mơ tuổi thơ” để khởi động bài học. + Đố các em bài hát nói về điều gì? + Các bạn đã ước mơ điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới:	- HS hát và vận động theo bài hát + Bài hát nói nói về ước mơ của các bạn nhỏ. + Các bạn ước làm cô giáo, mơ bay vào không gian, mơ làm bác sĩ, làm kĩ sư,...

+ Vậy các em có những ước mơ gì ? ước mơ đó giành cho ai? Và em sẽ làm gì để thực hiện những ước mơ đó thì bài học hôm nay chúng ta cùng chia sẻ với nhau về những ước mơ của mình nhé	- HS lắng nghe.
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + Biết nói trước nhóm, trước lớp về những ước mơ của mình và những điều mình sẽ làm để thực hiện được ước mơ đó. + Biết lắng nghe những chia sẻ của bạn + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
1. Chuẩn bị - GV hướng dẫn HS chuẩn bị + Ước mơ của em dành cho ai ? (bản thân, gia đình, bạn bè, vật nuôi trong nhà,...) + Em ước mơ điều gì ? + Em làm gì để thực hiện ước mơ đó ? - GV hỗ trợ và giúp đỡ học sinh 2. Chia sẻ với các bạn ước mơ của em - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm - GV hỗ trợ HS nói về ước mơ của mình trước lớp - GV mời 3,5 HS chia sẻ trước lớp - GV mời HS nhận xét - GV tuyên dương khen ngợi HS có ý kiến hay, tích cực, có tranh minh họa cho phần phát biểu và biết dùng cử chỉ, ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc phù hợp	- HS đọc phần gợi ý - HS làm việc cá nhân suy nghĩ và ghi câu trả lời ra vở - HS làm việc nhóm - Chia sẻ với các bạn trong nhóm - HS nhận xét bạn trong nhóm - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 3,5 HS chia sẻ trước lớp kết hợp tranh ảnh minh họa và lời nói cử chỉ điệu bộ - HS phát biểu ý kiến nhận xét sau khi bạn chia sẻ
3. Lắng nghe những chia sẻ của bạn - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm	- HS làm việc nhóm

- GV nhắc nhở với HS những lưu ý đối với người nói và người nghe trong giờ Nói và nghe + Chú ý lắng nghe không ngắt lời bạn + Khích lệ bạn khi bạn khi bạn đã nói xong, đặt câu hỏi nếu còn chưa hiểu rõ hoặc chưa nghe rõ - GV nhận xét, tuyên dương HS	- Lần lượt các bạn trong nhóm chia sẻ và các bạn khác lắng nghe những chia sẻ của bạn - Ghi lại những ước mơ của bạn mà HS cảm thấy thú vị - 2,3 nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi tiếp sức + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm thi viết tên các bài thơ về ước mơ + GV nhận xét chung, trao thưởng. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia đề vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham vận dụng. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào tìm được nhiều sẽ chiến thắng - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TUẦN 15:

CHỦ ĐỀ: CHẮP CÁNH ƯỚC MƠ
Bài 27: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

Giáo viên: Lưu Thị Ngọc Nga

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc "Nếu em có một khu vườn". Biết đọc diễn cảm phù hợp với cảm xúc của người viết
- Nhận biết được đặc điểm của khu vườn, của các loại cây thể hiện qua những hình ảnh, bộ phận của cây được miêu tả.
- Hiểu điều tác giả muốn nói: Thấy được ích lợi mà khu vườn mang lại cho bạn nhỏ, những cảm xúc của bạn nhỏ khi viết về những loại cây thân thuộc trong khu vườn mơ ước của mình.
- Biết và trân trọng mơ ước của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng mơ ước của mình, của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài văn, biết yêu quê hương, đất nước, biết trân trọng yêu quý ước mơ của mình, của bạn bè.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.
- Tranh ảnh minh họa bài văn nếu em có một khu vườn
- Tranh ảnh các loại cây có trong Khu vườn mơ ước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức tổ chức cho học sinh múa hát	- HS tham gia múa hát

bài Vườn cây của Ba (Phan Nhân - Nguyễn Duy) để khởi động bài học. Câu 1: Bài hát do ca sỹ nào thể hiện Câu 2: Trong bài hát có những loài cây nào được nhắc đến? Câu 3: Nếu em có một khu vườn em sẽ trồng những cây gì? Vì sao? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV: Như vậy qua bài hát ta thấy khu vườn của Ba trồng rất nhiều loại cây, vậy nếu em có một khu vườn thì em sẽ trồng những loại cây gì? em ước mình trồng những gì trong khu vườn đó, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Nếu em có một khu vườn.	+ Ca sỹ Minh Vy + Ba trồng các cây: lúa, hoa sấu riêng, dừa + HS nêu tên những loại cây mình muốn trồng và giải thích lý do - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ điều kì diệu, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm nhận giọng ở những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp ích lợi của các loài cây những từ ngữ diễn tả tâm trạng cảm xúc của bạn nhỏ khi nói về khu vườn mơ ước của mình. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 7 đoạn theo thứ tự + Đoạn 1: từ đầu đến nhiều loại cây. + Đoạn 2: tiếp theo cho đến công chúa + Đoạn 3: tiếp theo cho đến không ngán. + Đoạn 4: tiếp theo cho đến đầm sương. + Đoạn 5: tiếp theo cho đến bay về... + Đoạn 6 tiếp theo cho đến xinh xinh. + Đoạn 7: đoạn còn lại. - GV gọi 7 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>lá me non, nở rộ, hòa lẫn,...</i>	- Hs lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 7 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó.

- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: Em sẽ xâu những chiếc lá vàng, lá đỏ/ thành vòng lá,/ đội lên đầu,/ hóa thành công chúa// - GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2. - GV nhận xét sửa sai.	- 2-3 HS đọc câu. - 2 học sinh trong bàn đọc nối tiếp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm, đọc nhấn giọng những từ ngữ thể hiện tình cảm xúc của các nhân vật: Em <u>chạy ù ù</u> để gió thổi lồng lộng cho chong chóng <u>xoay tít</u>; Và ngày nào em cũng <u>không thôi mơ ước</u>, <u>nếu em</u> có một khu vườn như ở quê... - Mời 7 HS đọc nối tiếp đoạn văn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 7 HS đọc nối tiếp các đoạn văn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được đặc điểm của khu vườn, của các loại cây thể hiện qua những hình ảnh, bộ phận của cây được miêu tả. + Hiểu điều tác giả muốn nói: Thấy được ích lợi mà khu vườn mang lại cho bạn nhỏ, những cảm xúc của bạn nhỏ khi viết về những loại cây thân thuộc trong khu vườn mơ ước của mình. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Trong khu vườn mơ ước bạn nhỏ muốn trồng cây mít để làm gì?	- HS trả lời lần lượt các câu hỏi: + Trong khu vườn mơ ước, bạn nhỏ muốn trồng cây mít để được cùng chơi

+ Câu 2: Ghép từ ngữ chỉ cây, hoa, lá trong khu vườn tưởng tượng với từ ngữ chỉ đặc điểm của nó? + Câu 3: Em thích loại cây nào nhất trong khu vườn mơ ước của bạn nhỏ? Vì sao?. + Câu 4: Vì sao khu vườn diễn ra rất sống động trong trí tưởng tượng của bạn nhỏ Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em A. Bạn nhỏ có trí tưởng tượng rất phong phú B. Bạn nhỏ đã có trải nghiệm về một khu vườn ở quê C. Vì bạn nhỏ rất yêu cây cỏ - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Thấy được ích lợi mà khu vườn mang lại cho bạn nhỏ, những cảm xúc của bạn nhỏ khi viết về những loại cây thân thuộc trong khu vườn mơ ước của mình.	với các bạn những trò chơi tuổi thơ như: Hái lá mít làm trâu, làm chong chóng, nhặt lá vàng, lá đỏ xâu thành vòng lá, đội lên đầu hóa thành công chúa. <table border="1" data-bbox="894 436 1487 699"> <tr> <td>lá me non</td><td>vị chua</td></tr> <tr> <td>hoa anh đào</td><td>phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoang hương</td></tr> <tr> <td>những khóm hoa dại</td><td>bé xịu trắng muốt</td></tr> </table> + Ví dụ: Em thích cắm hoa dại bé xịu trắng muốt vì trông nó rất xinh xắn dễ thương + Đáp án A: Bạn nhỏ có trí tưởng tượng rất phong phú. - HS lắng nghe. - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học.	lá me non	vị chua	hoa anh đào	phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoang hương	những khóm hoa dại	bé xịu trắng muốt
lá me non	vị chua						
hoa anh đào	phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoang hương						
những khóm hoa dại	bé xịu trắng muốt						
3.2. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm. - Mời một số học sinh đọc nối tiếp. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm. - HS đọc nối tiếp theo đoạn. Đọc một số lượt. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.						
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu:							

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng mơ ước của mình, của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài - GV cho HS thực hêi <i>Nói với người thân về khu vườn mơ ước của em</i> - GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. - HS ôn Bài 27 và đọc trước Bài 28.	- HS trả lời theo ý thích của mình. - HS lắng nghe, thực hiện. - HS nhận xét.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 27: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN (3 tiết)

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: DẤU GẠCH NGANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được công dụng của dấu gạch ngang
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu về dấu gạch ngang, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, biết yêu thiên nhiên; trân trọng ước mơ của mình, của bạn và những người xung quanh.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Tính từ là những từ như thế nào? + Câu 2: Nêu 1 số tính từ + Câu 3: Đặt câu với tính từ vừa vừa tìm được - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dùng tranh minh họa để khởi động vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi + Tính từ là từ miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái.... + HS nêu tính từ + HS đặt câu - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Biết danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...). + Tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
* Tìm hiểu về dấu gạch ngang. Bài 1: Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn văn dưới đây a. Dưới đây là một số loài được cho là lớn nhất trong thế giới động vật: - Cá voi xanh - Voi châu Phi - Hươu cao cổ - Lạc đà một bướu. b. Năm 1976, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật c. Đốm và Mun im lặng, ngắm những bông hoa chiếu tàn tìm bí quyết. Đốm hỏi: - Sao lại gọi là hoa chiếu tàn? - Là bởi vì trưa nở, chiều tàn. - Đàng ấy giỏi thật! Gì cũng biết! Mun được khen phồng mũi, cao hứng nói tiếp: - Còn hoa mười giờ thì cứ đúng mười giờ là nở bung. (Theo Trần Đức Tiến) Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê Nối các từ ngữ trong một liên danh	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. Bài 2. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp sau: a. Để trồng cây trong chậu, em hãy làm các bước sau: - Chuẩn bị đất, t cho một phần đất vào chậu - Dùng xẻng nhỏ xới đất cho đất tơi xốp - Đặt cây vào chậu cho nốt phần đất còn lại dùng tay ấn nhẹ đất cho chắc gốc cây - Tưới một chút nước vào gốc cây cho đất ẩm và gốc cây chắc hơn b. Chương trình học bổng vì mái trường xanh đã đến với các em học sinh khắp ba miền Bắc - Trung - Nam. - GV mời HS làm việc theo nhóm 4: - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương. - GV rút ra ghi nhớ: <i>Dấu gạch ngang có thể được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê và nối các</i>	Đáp án: Đoạn a: dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê Đoạn b: Các dấu gạch ngang được dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh Đoạn c: Các dấu gạch ngang được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm 4. - Đại diện các nhóm trình bày. Đáp án: - Trong trường hợp a các câu có dấu gạch ngang đặt ở đầu dòng dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê - Trong trường hợp b dấu gạch ngang dùng để nối các từ trong một liên danh - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 3-4 HS đọc lại ghi nhớ
--	---

từ ngữ trong một liên danh	
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài tập 3: Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó a. Nhạc sĩ Hoàng Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội 🌀Huế 🌀Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên b. Để làm một con diều giấy chúng ta phải thực hiện ba bước: 🌀Làm khung diều 🌀Đo và cắt áo diều 🌀Ráp các bộ phận của diều - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV mời HS làm việc cá nhân - GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh. - GV nhận xét, tuyên dương chung.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS làm bài vào vở. a. Nhạc sĩ Hoàng Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội - Huế - Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên b. Để làm một con diều giấy chúng ta phải thực hiện ba bước: - Làm khung diều - Đo và cắt áo diều - Ráp các bộ phận của diều + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số câu trong đó khuyết các dấu câu, một số dấu câu như: dấu chấm hỏi, dấu gạch ngang, dấu chấm...để lẫn lộn trong hộp. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm dấu câu trong hộp điền vào chỗ khuyết rồi dán lên bảng. Đội nào làm được nhanh hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,...) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 27: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN (3 tiết)
Tiết 3: VIẾT
Bài: LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm hiểu một số cách viết đoạn văn miêu tả con vật
- Biết cách viết một đoạn văn miêu tả con vật
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về ước mơ của bản thân.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu đặc điểm trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, biết yêu thiên nhiên; yêu động vật, trân trọng ước mơ của mình, của bạn và những người xung quanh.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Bức tranh vẽ con vật gì? + Câu 2: Con mèo có bộ lông màu gì + Câu 3: Nó thường có hành động gì nổi bật? + Câu 4: Bạn nào có thể bắt chước tiếng mèo kêu không nào? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dựa vào trò chơi để khởi động vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi + Con mèo + Bộ lông màu tam thể + Bắt chuột + HS bắt chước: meo, meo.. - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Luyện tập - Mục tiêu: + Tìm hiểu một số cách viết đoạn văn miêu tả con vật + Biết cách viết một đoạn văn miêu tả con vật + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu.	

a. Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.

b. Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?

c. Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn.

*Đoạn 1: Trời nắng gắt. Con ong **xanh biếc** to bằng quả ớt nhờ lướt nhanh những cặp chân **dài và mảnh** trên nền đất. Bụng nó **tròn, thon, bóng loáng**, mặt trời chiếu vào **óng ánh** xanh như hạt ngọc. Nó dừng lại, ngước đầu lên, mình nhún nhảy rung rinh, giơ hai chân trước vượt râu rồi lại bay lên, đậu xuống, **thoăn thoắt** ra khắp mảnh vườn.*

*Đoạn 2: Rô ron bám theo vây rô mẹ, tung tăng lên lõi quanh các nhánh cây, rẽ cỏ, ngập nước. Nó **nô nghịch như một đứa trẻ hiếu động**. Khi thì nó ngậm một cái rẽ cỏ kéo mạnh cho chìm xuống rồi **phóng vọt qua như một mũi tên**. Lúc nó lại **ngoi lên như đang chơi trốn tìm**, đảo mắt nhìn theo bóng gã chuồn chuồn. Nó tròn miệng thở, làm mặt nước nổi lên một cái **bong bóng nhỏ tí xíu như hạt ngọc trong suốt trên mặt nước***

*Đoạn 3: Cái vòi của voi con thật kỳ lạ. Gân như không có việc gì mà **chú** không dùng đến vòi. **Chú** dùng vòi để thở, để nhận biết lá lành hay lá độc, để phun bụi đất phủ lên lưng vào những trưa nắng, để dò đường và rẽ lối đi trong rừng....Đặc biệt, vòi còn giúp voi con **biểu lộ tâm tình**: Chú đập vòi chạn chát xuống đất khi **giận dữ**, đu đưa vòi khi **thoải mái, yên tâm**. Nhưng vượt lên tất cả, cái vòi giúp giúp voi con tồn tại: Voi con dùng vòi để **hít nước khi khát**, để **bể cãnh** và **vơ cỏ** lên miệng khi ăn,..*

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng

- GV mời HS làm việc theo nhóm 4 - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương <i>Qua bài tập 1 các em đã được tìm hiểu một số cách viết đoạn văn miêu tả con vật. Các em sẽ được tìm hiểu về cách viết đoạn văn miêu tả con vật trong bài tập 2</i> - GV nhận xét chung.	nghe bạn đọc. - Các nhóm tiến hành thảo luận và đưa ra phương án trả lời: a. Đoạn 1 tả con ong, đoạn 2 tả con cá rô, đoạn 3 tả cái vôi của con voi con. b. Đoạn 1: Các từ ngữ in đậm là các tính từ, giúp cho việc miêu tả con vật trở nên cụ thể sinh động hơn. - Đoạn 2: Các từ ngữ in đậm được dùng với biện pháp so sánh để miêu tả hoạt động của con vật và môi trường xung quanh, nó giúp cho con vật và hoạt động của nó trở nên sinh động hơn. - Đoạn 3: Các từ ngữ in đậm được dùng với biện pháp nhân hóa giúp biểu hiện những trạng thái tâm lý, cảm xúc của con vật giống như những trạng thái tâm lý cảm xúc của con người. c. HS trình bày được lý do vì sao thích cách miêu tả đó. - Các nhóm trình bày kết quả. - Các nhóm khác nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
Bài tập 2: Viết đoạn văn tả hoạt động hoặc một đặc điểm ngoại hình của con vật mà em yêu thích. - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV chiếu một số hình ảnh về con vật, yêu cầu HS nêu tên con vật	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS quan sát và nêu tên các con vật

 - GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở đoạn văn tả hoạt động hoặc một đặc điểm ngoại hình của con vật mà em yêu thích - GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, đọc một số đoạn văn hay trước lớp, trao đổi, góp ý, sửa sai và tuyên dương học sinh. - GV nhận xét, tuyên dương chung.	- HS làm bài vào vở. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. + GV chuẩn bị một số tờ giấy A0 (tùy theo số lượng nhóm). + Chia lớp thành 4-5 nhóm (tùy số lượng HS) + Giao cho mỗi nhóm một tranh như: tranh con chó, tranh con gà, tranh con mèo... nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết 1 đoạn văn có con vật ở trong tranh khoảng 3-4 câu tả về con vật đó. Nhóm nào làm đúng (đạt trên 50%) thì sẽ được tuyên dương - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

.....

Bài 28: BỐN MÙA MƠ ƯỚC (4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Bốn mùa mơ ước, biết nhận giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc về ước mơ của bạn nhỏ.
- Nhận biết được những ước mơ của bạn nhỏ trong bài thơ.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ước mơ của mỗi người đều rất đẹp, rất đáng trân trọng. Con người cần nuôi dưỡng những hoài bão, ước mơ đẹp đẽ, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cho mọi người xung quanh và cho bản thân mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài thơ, biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài, có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh..
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.
- Tranh ảnh minh họa bài thơ một vài bài thơ nói về ước mơ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	

- Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Ước mơ tuổi thơ” để khởi động bài học. + Em nghĩ gì về ước mơ của bạn nhỏ trong bài hát? + Hãy nói về ước mơ của em? + Em mơ ước điều đó khi nào? vì sao em mơ ước như vậy? - Mỗi người trong chúng ta ai cũng có ước mơ giống như bạn nhỏ trong bài hát vậy. Để xem các bạn nhỏ đã chia sẻ về ước mơ của các bạn ấy như thế nào, bây giờ chúng ta sẽ đọc và tìm hiểu bài thơ: Bốn mùa mơ ước	- HS lắng nghe bài hát. + Bạn nhỏ trong bài hát ước mơ rất nhiều điều: ước mơ làm bác sĩ, ước mơ làm cô giáo... + HS nêu mơ ước của mình + HS nêu một vài lý do - Học sinh lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Bốn mùa mơ ước, biết nhận giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc về ước mơ của bạn nhỏ. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 5 khổ thơ theo thứ tự - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>nắng xuân, muôn nơi, nỗi niềm, nắng hạ, nông oi, lung linh...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Em mơ mình/ là cánh én</i> <i>Gọi nắng xuân / về muôn nơi</i> <i>Trong veo/ nỗi niềm/ thương mến</i> <i>Hòa trong rộn rã/ tiếng cười//</i> - GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2.	- Hs lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - 2 học sinh trong bàn đọc nối tiếp.

- GV nhận xét sửa sai.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp thơ, từng khổ thơ theo cảm xúc của tác giả: Khổ thơ 1,2,3,4 đọc với giọng rạo rức, hào hứng; khổ thơ 5 đọc với giọng vui vẻ. - Mời 5 HS đọc nối tiếp các khổ thơ. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 5 HS đọc nối tiếp các khổ thơ. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được những ước mơ của bạn nhỏ trong bài thơ. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ước mơ của mỗi người đều rất đẹp, rất đáng trân trọng. Con người cần nuôi dưỡng những hoài bão, ước mơ đẹp đẽ, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cho mọi người xung quanh và cho bản thân mình. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV mời 1 HS đọc toàn bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Mỗi mùa bạn nhỏ mơ ước điều gì? Câu 2: Cùng bạn hỏi - đáp về lý do bạn nhỏ có những mơ ước đó trong mỗi mùa + Vì sao bạn nhỏ mơ là cánh én?	- Cả lớp lắng nghe. - HS trả lời lần lượt các câu hỏi: + mùa xuân bạn nhỏ mơ ước làm cảnh đẹp. Mùa hạ bạn nhỏ mơ ước làm làn gió. Mùa thu bạn nhỏ mơ ước làm vàng trắng. Mùa đông bạn nhỏ mơ ước làm ngọn lửa. - HS trả lời tự do theo ý thích của mình: + Vì bạn nhỏ muốn gọi mùa xuân ấm

+ Vì sao bạn nhỏ mơ ước là cơn gió? + Vì sao bạn nhỏ mơ là vàng trắng tỏ? + Vì sao bạn nhỏ mơ là ngọn lửa? Câu 3: Theo mơ ước của bạn nhỏ, khung cảnh mỗi mùa hiện ra có gì đẹp? Em thích khung cảnh nào nhất? Vì sao? Câu 4: Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về mơ ước của tuổi thơ? chọn câu trả lời dưới đây hoặc Nêu ý kiến của em? A. Mơ ước tuổi thơ nói dài tới tận chân trời. B. Mơ ước của em được đến mọi miền đất nước. C. Mơ ước đưa trẻ thơ đi tới tương lai. - GV giải thích thêm: Bài thơ muốn nói với chúng ta rằng mỗi người đều có mơ ước, chúng cần nuôi dưỡng những hoài bão, ước mơ đẹp để đó, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cho mọi người xung quanh và cho bản thân mình - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Ước mơ của mỗi	áp, tươi vui trở về. + Vì bạn nhỏ muốn làm mát những ngày nắng hạ oi nồng và cùng mây bay nơi đó, đem mưa làm dịu mát cho muôn nơi. + Vì bạn nhỏ muốn được sáng lung linh giữa trời thu và được vui cùng những ngôi sao nhỏ. + Vì bạn nhỏ muốn xua tan cái giá lạnh của mùa đông, mang lại sự ấm áp, vui tươi của con người và vạn vật. + Mùa Xuân hiện ra vẻ không gian đầy nắng và rộn rã tiếng cười. Mùa hè hiện ra với khung cảnh những ngày nắng hạ oi nồng, có mây bay và có mưa làm mát không gian. Mùa thu hiện ra với khung cảnh đêm trăng (có thể là đêm trăng rằm trung thu), có vàng trắng sáng giữa trời với hàng ngàn ngôi sao lấp lánh. Mùa đông hiện ra với khung cảnh ấm áp của bữa cơm chiều quê đông đủ các thành viên trong gia đình, cánh chim bay về tổ. + Đáp án A: Mơ ước tuổi thơ nói dài tới tận chân trời. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS nhắc lại nội dung bài học.
--	---

người đều rất đẹp, rất đáng trân trọng. Con người cần nuôi dưỡng những hoài bão, ước mơ đẹp đẽ, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cho mọi người xung quanh và cho bản thân mình.															
3.2. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ + Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân. + Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia đọc thuộc lòng bài thơ. + HS đọc thuộc lòng cá nhân. + HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Một số HS đọc thuộc lòng														
3.3. Luyện tập theo văn bản. 1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm những thành ngữ nói về ước mơ của con người. <table><tr><td>Cầu được ước thấy</td><td>Ước sao được vậy</td><td>Được voi đòi tiên</td></tr><tr><td>Cò bay thẳng cánh</td><td>Muốn gì được nấy</td><td>Rừng vàng biển bạc</td></tr></table> - Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. 2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Từ nào dưới đây có nghĩa giống với từ ước mơ? Đặt câu với 2 trong số các từ vừa tìm được. <table><tr><td>cao đẹp</td><td>ao ước</td><td>ngóng trông</td><td>hoài bão</td></tr><tr><td>mong ước</td><td>to lớn</td><td>khát vọng</td><td>kì diệu</td></tr></table> - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)	Cầu được ước thấy	Ước sao được vậy	Được voi đòi tiên	Cò bay thẳng cánh	Muốn gì được nấy	Rừng vàng biển bạc	cao đẹp	ao ước	ngóng trông	hoài bão	mong ước	to lớn	khát vọng	kì diệu	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Những thành ngữ nói về ước mơ của con người Cầu được ước thấy Ước sao được vậy Muốn gì được nấy. - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Từ có nghĩa giống với từ ước mơ: ao ước, hoài bão, mong ước, khát vọng Câu: <u>Mong ước</u> của em là có một khu vườn nhỏ xinh ở ban công để tự mình có thể trồng và chăm sóc những loài
Cầu được ước thấy	Ước sao được vậy	Được voi đòi tiên													
Cò bay thẳng cánh	Muốn gì được nấy	Rừng vàng biển bạc													
cao đẹp	ao ước	ngóng trông	hoài bão												
mong ước	to lớn	khát vọng	kì diệu												

- GV nhận xét, tuyên dương	cây mà em thích - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV trao đổi những về hình ảnh yêu thích trong bài thơ - GV cho HS thực hiện <i>Kể với người thân về ước mơ của mình.</i> - GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét. - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS trả lời theo ý thích của mình. - HS lắng nghe, thực hiện. - HS nhận xét.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

----- Bài 28: ƯỚC MƠ BỐN MÙA (4 tiết)

Tiết 3: VIẾT

Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với yêu cầu của bài để lập dàn ý bài văn miêu tả con vật.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng sử dụng từ, câu văn, khả năng quan sát, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, biết yêu quê hương, đất nước, yêu quý động vật.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Chú gà trống” để khởi động bài học + Trong bài hát nói về con vật nào? + Chú gà trống làm gì vào mỗi sáng + Chú gáy vào mỗi sáng như vậy để làm gì? - Mỗi con vật đều có đặc điểm về ngoài hình và đặc điểm riêng như chú gà trống trong bài hát. Để các em rèn luyện thêm kỹ năng quan sát và viết được dàn ý bài văn miêu tả con vật, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay: Lập dàn ý bài văn miêu tả con vật.	- HS lắng nghe bài hát. + Chú gà trống + Chú gáy ồ,ồ,o.. + Để thức mọi người dậy - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài Đề 1: Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó Đề 2: Miêu tả một con vật mà em được	- HS đọc đề bài

quan sát trên tivi hoặc phim ảnh mà em yêu thích

Bài 1. Chuẩn bị (cá nhân)

- a. Lựa chọn con vật để miêu tả.
- b. Quan sát hoặc nhớ lại kết quả đã quan sát.

c. Lựa chọn trình tự miêu tả.

- GV yêu cầu HS đọc các bước chuẩn bị

- GV hướng dẫn cả lớp làm việc chung

+ Em lựa chọn con vật nào để miêu tả

+ Em đã quan sát những đặc điểm nào của con vật

+ Em miêu tả con vật theo trình tự nào?

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu các bước chuẩn bị.

- Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc chung, cùng suy nghĩ để chuẩn bị theo các bước

+ Con gà trống, con vịt, con mèo...

+ HS nêu một số đặc điểm về ngoại hình hoặc hoạt động mà bản thân đã từng quan sát, ví dụ như: Con gà trống có bộ lông àu đen pha chút màu trắng, xanh và màu đỏ tía. Đầu to, oai vệ. Mắt tròn, đen. Mỗi buổi sáng, chú đều gáy to gọi cả nhà dậy...

+ Cách 1: Miêu tả lần lượt từ đặc điểm bên ngoài đến hoạt động của con vật

Cách 2: Miêu tả đặc điểm ngoại hình kết hợp miêu tả hoạt động của con vật

- HS lắng nghe.

Bài 2: (Làm vở)

Mở bài	Giới thiệu về con vật.
Thân bài	Miêu tả các đặc điểm của con vật: - Đặc điểm ngoại hình (tả bao quát và tả chi tiết). - Hoạt động và thói quen. * Lưu ý: Miêu tả kĩ hơn những đặc điểm nổi bật của con vật hoặc những đặc điểm em thấy thú vị.
Kết bài	Tình cảm của em với con vật (hoặc suy nghĩ, cảm xúc, điều mong muốn,... đối với con vật).

- GV yêu cầu HS đọc dàn ý trên bảng

- GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở viết dàn ý bài văn miêu tả con vật

- HS đọc dàn ý

- HS làm bài vào vở.

VD: 1. Mở bài

- GV thu vở chấm một số bài, nhận xét nhanh một số bài của HS, tuyên dương và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn - GV nhận xét, tuyên dương chung.	Mẹ em có nuôi một chú gà trống được khá lâu rồi. 2. Thân bài - Tả bao quát hình dáng chú gà trống: + Màu sắc: lông màu đen pha chút màu trắng, xanh và màu đỏ tía. + Hình dáng: to. - Tả chi tiết: + Bộ lông: màu đen xanh, hai cánh to, úp sát vào thân hình. Lông ở cánh óng mượt, cứng và óng ánh sắc vàng đỏ. + Đầu to, oai vệ. Mắt tròn, đen. Mỏ gà màu vàng sậm, cứng, mổ thóc nhanh nhẹn. Mào gà đỏ chót, xoắn như đóa hoa đỏ. + Đùi gà to, mập mạp, chắc nịch. + Chân có cựa sắc, vẩy sừng màu vàng cứng. + Đuôi cong vòng, lông óng mượt, pha lẫn nhiều màu sắc rất đẹp. - Hoạt động và thói quen: + Mỗi buổi sáng, chú đều gáy to gọi cả nhà dậy. + Chú đi loanh quanh trong vườn mổ thóc, bới giun. 3. Kết bài Em rất yêu chú gà. Em coi chú gà như một người bạn của em - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
Bài 3: Chỉnh sửa (nhóm 2) - Các ý trong phần thân bài được sắp xếp hợp lí - Lựa chọn được các đặc điểm nổi bật của	

con vật. - GV yêu cầu HS đọc gợi ý để chỉnh sửa dàn ý - Giáo viên hướng dẫn học sinh đối vở với bạn trong nhóm 2 để chỉnh sửa bài theo hướng dẫn - GV gọi các nhóm trình bày - GV mời các nhóm nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương	- HS đọc gợi ý - HS thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay để miêu tả con vật hoặc một số hoạt động để miêu tả hành động của con vật. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. + GV chuẩn bị một số tờ giấy A0 (tùy theo số lượng nhóm). + Chia lớp thành 4-5 nhóm (tùy số lượng HS) + Giao cho mỗi nhóm một tranh như: con gà, con chó, con mèo... nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết 1 câu văn hoặc một hành động để miêu tả con vật đó. Nhóm nào làm đúng (đạt trên 50%) thì sẽ được tuyên dương - GV yêu cầu HS làm trọng tài nhận xét. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS có thể bắt chước tiếng gáy của gà, hành động bới thóc, bắt chước tiếng sủa của chó, của mèo hoặc hành động rình bắt chuột của mèo - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được tuyên dương - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 28: BỐN MÙA MƠ ƯỚC (4 tiết)

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

Bài: Đọc bài thơ viết về ước mơ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc bài thơ viết về ước mơ, viết được thông tin vào phiếu đọc sách theo mẫu.
- Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung bài thơ đã đọc; nhớ tên bài thơ của tác giả và kể lại cho người thân.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài thơ, biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài, có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia thi kể

+ Câu 1: Kể về ước mơ của em + Câu 2: Em mơ ước điều đó khi nào? + Câu 3: Vì sao em mơ ước như vậy? - GV nhận xét, tuyên dương - GV dẫn dắt vào bài mới "Người nghèo nhất trong tất cả mọi người không phải là người không có một xu dính túi, mà là người không có lấy một ước mơ". Thật vậy, trong cuộc đời ai cũng có ước mơ và hôm nay chúng ta cùng tìm đọc và chia sẻ những cảm xúc của mình qua một số bài thơ nói về ước mơ các bạn nhé	- HS nối tiếp trả lời: - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Tìm đọc bài thơ viết về ước mơ, viết được thông tin vào phiếu đọc sách theo mẫu. + Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung bài thơ đã đọc; nhớ tên bài thơ của tác giả và kể lại cho người thân. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
1. Đọc bài thơ viết về ước mơ - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1. - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập giới thiệu bài thơ mình đã đọc: Tên bài thơ, tên tác giả, đọc ở đâu... - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 4 suy nghĩ, thực hiện theo hướng dẫn. - Mời một số đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Em tìm đọc bài thơ về ước mơ qua sách báo, internet,... - HS thảo luận theo nhóm 4. - HS chia sẻ trước lớp Ví dụ: Bài thơ Ước mơ của bé của tác giả Lê Thị Hồng Mai. Bài thơ: Bài ca Trái Đất của Định Hải. Bài thơ: Tập thơ thiếu nhi: Chồn thần tiên.. Đêm trăng sáng quá Nhìn lên trời cao Bé thầm ước ao Bay vào vũ trụ.

- Mời HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.	Bé xây nhà máy Làm cả bể bơi Trên này thích quá Rủ bạn lên thôi. Giá như các bạn Ở khắp mọi nơi Được vui cùng bé Giữa bầu trời sao. - HS nhận xét bạn. - Lắng nghe rút kinh nghiệm.																
2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu. <table border="1" data-bbox="191 793 837 1129"> <thead> <tr> <th colspan="2">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tên bài thơ: 🌸</td><td>Ngày đọc: 🌸</td></tr> <tr> <td>Tác giả: 🌸</td><td>Ước mơ được nói đến trong bài thơ: 🌸</td></tr> <tr> <td colspan="2">Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: 🌸</td></tr> <tr> <td colspan="2">Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td></tr> </tbody> </table> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2. - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 4 thực hiện yêu cầu bài tập 2. + Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý. - GV mời các nhóm trình bày kết quả.	PHIẾU ĐỌC SÁCH		Tên bài thơ: 🌸	Ngày đọc: 🌸	Tác giả: 🌸	Ước mơ được nói đến trong bài thơ: 🌸	Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: 🌸		Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		- HS đọc yêu cầu bài tập 2. - Các nhóm làm việc theo yêu cầu. + HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn. + HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi ước mơ của nhân vật trong bài, khổ thơ em yêu thích nhất. - Đại diện nhóm trình bày. Ví dụ bài ước mơ của bé <table border="1" data-bbox="862 1598 1487 1898"> <thead> <tr> <th colspan="2">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tên bài thơ: Ước mơ của bé</td><td>Ngày đọc:</td></tr> <tr> <td>Tác giả: Lê Thị Hồng Mai</td><td>Ước mơ được nói đến trong bài: Bay vào vũ trụ. Bé xây nhà máy</td></tr> </tbody> </table>	PHIẾU ĐỌC SÁCH		Tên bài thơ: Ước mơ của bé	Ngày đọc:	Tác giả: Lê Thị Hồng Mai	Ước mơ được nói đến trong bài: Bay vào vũ trụ. Bé xây nhà máy
PHIẾU ĐỌC SÁCH																	
Tên bài thơ: 🌸	Ngày đọc: 🌸																
Tác giả: 🌸	Ước mơ được nói đến trong bài thơ: 🌸																
Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: 🌸																	
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆																	
PHIẾU ĐỌC SÁCH																	
Tên bài thơ: Ước mơ của bé	Ngày đọc:																
Tác giả: Lê Thị Hồng Mai	Ước mơ được nói đến trong bài: Bay vào vũ trụ. Bé xây nhà máy																

- GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="854 180 1187 222"></td><td data-bbox="1187 180 1495 222">Làm cả bể bơi</td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="854 222 1187 264">Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: Khổ 3</td></tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="854 264 1187 348">Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td></tr> </table> - Các nhóm nhận xét cho nhau. - Lớp theo dõi bổ sung.		Làm cả bể bơi	Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: Khổ 3		Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	
	Làm cả bể bơi						
Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: Khổ 3							
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆							
3. Trao đổi với bạn những cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ. - GV yêu cầu Hs trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc + VD: Nội dung bài thơ nói về điều gì? + Nhân vật chính trong bài thơ là ai? + Nhân vật đó có ước mơ gì? + Ước mơ đó có ý nghĩa gì đối với em? + Em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của mình về nhân vật đó,... - Gọi đại diện nhóm nêu ý kiến trao đổi - GV gọi HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những bài thơ về ước mơ, ,... + Nội dung chính: + Cô bé + Bay vào vũ trụ xây nhà máy, làm bể bơi + Tạo cho em động lực để học thật giỏi.. + Em rất ngưỡng mộ bạn nhỏ - Đại diện nhóm chia sẻ cảm nghĩ, các nhóm khác tương tác, đưa thêm một số câu hỏi với nhóm bạn - Lớp theo dõi nêu ý kiến bổ sung - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.						
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:							
- GV tổ chức vận dụng bằng cuộc thi “Ai là người hóm hỉnh”. + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp giới thiệu về ước mơ của mình và kế hoạch để đạt được ước mơ đó. + Mời các nhóm trình bày.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham vận dụng. + Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét bạn nào						

+ GV nhận xét chung, trao thưởng. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà: Ôn tập bài 28, đọc trước bài 29.	giới thiệu hay, hóm hỉnh sẽ được tuyên dương - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

TUẦN 16: CHỦ ĐỀ 1: CHẬP CÁNH ƯỚC MƠ

Bài 29: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm văn bản kịch Ở vương quốc Tương Lai. Biết đọc ngắt giọng để phân biệt được tên nhân vật với lời nói của nhân vật. Biết đọc với giọng hồn nhiên thể hiện được tâm trạng háo hức, thán phục hoặc thái độ tự tin, tự hào phù hợp với mỗi nhân vật.

- Nhận biết được đặc điểm của các nhân vật trong vở kịch (thể hiện qua hành động, lời nói).

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua vở kịch: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.

- Biết khám phá và trân trọng ước mơ của mình và mọi người, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về ước mơ của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua vở kịch, biết yêu quý bạn bè, trân trọng ước mơ của người khác.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS trao đổi theo nhóm: Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV: Bài học hôm nay là một màn kịch trích trong vở kịch Con chim xanh của nhà văn Mát-tét-lích. Chúng ta cùng đọc bài để biết trong vở kịch có những nhân vật nào, vì sao vở kịch có tên là Ở vương quốc Tương Lai nhé.	- HS tham gia thảo luận nhóm. - Đại diện 2-3 nhóm trình bày ý kiến. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Đọc đúng và đọc diễn cảm văn bản kịch Ở vương quốc Tương Lai. + Biết đọc ngắt giọng để phân biệt được tên nhân vật với lời nói của nhân vật.	

+ Biết đọc với giọng hồn nhiên thể hiện được tâm trạng háo hức, thán phục hoặc thái độ tự tin, tự hào phù hợp với mỗi nhân vật. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài một lượt - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, ngắt giọng để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật. - GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, ví dụ: Ở vương quốc Tương Lai; Tin-tin; Mi-tin; đôi cánh xanh; sáng chế,... - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 2 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu đến một em bé. + Đoạn 2: từ Tin -tin đến hết. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Ở vương quốc Tương Lai; Tin-tin; Mi-tin; đôi cánh xanh; sáng chế,... - GV hướng dẫn luyện đọc câu: Đoạn trích dưới đây/ thuật lại việc hai em tới vương quốc Tương Lai/ và trò chuyện với những em bé sắp ra đời/ trong công xưởng xanh.//	- HS đọc thầm cá nhân. - Hs lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe GV hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 2 HS đọc nối tiếp đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm, ngắt, nghỉ theo đúng sau các dấu câu, giữa các cụm từ; đọc ngắt giọng phân biệt được tên của nhân vật và lời nói của nhân vật; đọc với giọng hồn nhiên, tự tin ở lời nói của các em bé sắp ra đời, giọng háo hức, thán phục của Tin-tin và Mi-tin.	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm.

- Mời 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn kịch. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn. - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	- 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn kịch. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.										
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua vở kịch: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống. - Cách tiến hành:											
3.1. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Vở kịch có những nhân vật nào? + Câu 2: Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế:	- HS trả lời lần lượt các câu hỏi: + vở kịch có Tin- tin, Mi-tin và 5 em bé đến từ Tương Lai. + <table border="1"> <thead> <tr> <th>Sự vật</th><th>Công dụng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>thuốc trường sinh</td><td>để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng</td></tr> <tr> <td>một thứ ánh sáng kì lạ</td><td>để làm giàu cho mọi người</td></tr> <tr> <td>máy giúp dò tìm kho báu</td><td>giúp con người di chuyển nhanh và thú vị</td></tr> <tr> <td>cái máy biết bay trên không</td><td>giúp con người sống lâu</td></tr> </tbody> </table> + Qua nhân vật các em bé ở Vương	Sự vật	Công dụng	thuốc trường sinh	để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng	một thứ ánh sáng kì lạ	để làm giàu cho mọi người	máy giúp dò tìm kho báu	giúp con người di chuyển nhanh và thú vị	cái máy biết bay trên không	giúp con người sống lâu
Sự vật	Công dụng										
thuốc trường sinh	để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng										
một thứ ánh sáng kì lạ	để làm giàu cho mọi người										
máy giúp dò tìm kho báu	giúp con người di chuyển nhanh và thú vị										
cái máy biết bay trên không	giúp con người sống lâu										

Sự vật	Công dụng	quốc Tương Lai tác giả muốn nói về ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó trẻ em là những nhà sáng chế góp sức mình phục vụ cuộc sống.
thuốc trường sinh	để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng	+ Đáp án B.
một thứ ánh sáng kì lạ	để làm giàu cho mọi người	
máy giúp dò tìm kho báu	giúp con người di chuyển nhanh và thú vị	
cái máy biết bay trên không	giúp con người sống lâu	
+ Câu 3: Tác giả muốn nói điều gì qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai? + Câu 4: Theo em, vì sao nơi Tin-tin và Mi-tin đến có tên là “Vương quốc Tương Lai”? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em. A. Vì các bạn nhỏ sẽ đón tiếp Tin-tin và Mi-tin ở trong tương lai. B. Vì nơi đó là cuộc sống mơ ước trong tương lai. C. Vì tất cả mọi người sẽ chuyển đến sống ở đây. + Câu 5: Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em sẽ sáng chế vật gì? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Vở kịch thể hiện ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.		- HS nêu ý tưởng sáng chế của mình. - HS nêu nội dung bài theo ý hiểu - HS nhắc lại nội dung bài học.
3.2. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn HS đọc bài theo nhóm đôi.		- HS tham gia đọc bài theo nhóm đôi.

+ Mời HS đọc nối tiếp đoạn theo nhóm đôi. + Mời HS nhận xét về giọng đọc, cách ngắt nghỉ, phân biệt tên nhân vật và lời của nhân vật. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV hướng dẫn HS phân vai, đọc bài.	+ HS đọc đoạn theo nhóm đôi. + Các nhóm khác nghe, nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương nhóm đọc đúng, diễn cảm.	+ HS đọc bài theo nhóm tổ, tổ trưởng phân vai cho các bạn trong nhóm rồi đọc. + Các nhóm thi đọc theo vai. + Các nhóm khác nghe, nhận xét.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: khám phá và trân trọng ước mơ của mình và mọi người, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc với những ước mơ cao đẹp. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS thi kể về ước mơ của mình đối với cuộc sống trong tương lai. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia thi kể. - HS khác nghe, nhận xét về ước mơ của bạn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 29: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI (3 tiết)
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
- Biết sử dụng dấu gạch ngang trong văn cảnh cụ thể.
- Viết được câu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đã học.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu công dụng của dấu gạch ngang, vận dụng bài học vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức ôn tập bài cũ khởi động bài học. Cho đoạn văn sau: “Những dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị: - Nêu những dụng cụ cần dùng (ví dụ: kéo, kìm, dây thép,...) - Những vật liệu cần sử dụng (ví dụ: bìa, giấy,...)” + Câu 1: Em hãy tìm các dấu gạch ngang trong đoạn trích trên.	- HS tham gia trò chơi Cho đoạn văn sau: “Những dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị: ○ Nêu những dụng cụ cần dùng (ví dụ: kéo, kìm, dây thép,...) ○ Những vật liệu cần sử dụng (ví dụ:

+ Câu 2: Em hãy nêu công dụng của những dấu gạch ngang trên. + Câu 3: Ngoài công dụng trên, dấu gạch ngang còn dùng để làm gì nữa? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV: Các con đã nắm được công dụng của dấu gạch ngang, bài học hôm nay sẽ giúp các con nắm chắc hơn về các công dụng này.	bìa, giấy,...)” + Những dấu gạch ngang trên có công dụng là đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê. + Ngoài ra, dấu gạch ngang còn dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật và nối các từ ngữ trong một liên danh. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang. + Biết sử dụng dấu gạch ngang trong văn cảnh cụ thể. + Viết được câu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đã học. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Nêu công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn dưới đây: - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: a) <i>“Ma-ri Quy-ri là nhà bác học người Pháp gốc Ba Lan. Bà đã giành được nhiều danh hiệu và giải thưởng:</i> - <i>Giải thưởng Nô-ben Vật lí, giải thưởng Nô-ben Hoá học.</i> - <i>Tiến sĩ khoa học Vật lí xuất sắc.</i> - <i>Huân chương Bắc đẩu bội tinh của Chính phủ Pháp.</i> - <i>Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Pháp.</i> <i>(theo Ngọc Liên)</i> b) <i>Hội hữu nghị và hợp tác Việt- Pháp được thành lập ngày 2 tháng 7 năm 1995. Hoạt động của hội nhằm tang cường đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Pháp.</i> <i>(Hằng Phương tổng hợp) ”</i>	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- GV mời HS làm việc theo nhóm bàn:
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV giới thiệu về nhà bác học Ma-ri Quy-ri.
- GV nhắc HS chú ý phân biệt dấu gạch ngang ở phần b) với dấu gạch nối trong tên của người nước ngoài được phiên âm ra Tiếng Việt.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó.

Cậu học sinh mới

a. Ông Giỗ-dép dắt con trai đến gặp thầy giáo để xin học. Thấy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám. Thấy hỏi:

- Con tên là gì?
- Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xơ-ai – Cậu bé lễ phép.
- Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi?

• Thưa thầy, con thích đi học ạ!

Thầy giáo gật gù:

• Thế thì được!

Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.

[Theo Tiếng Việt 3. NXB Giáo dục, 1980]

b. Từ khi thành lập đến nay, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học • công nghệ, giáo dục • đào tạo, văn hoá • thể thao,... giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

(Hằng Phương tổng hợp)

- GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.
- GV nêu cách chơi và luật chơi: chọn 2 đội chơi, HS được chọn sẽ lên khoanh vào các dấu gạch ngang có trong mỗi đoạn văn, sau đó viết công dụng của các dấu gạch ngang trong mỗi phần đó vào bảng GV đã chuẩn bị sẵn.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.

- HS làm việc theo nhóm.
- Đại diện các nhóm trình bày.
- a) Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- b) Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu của bài tập
- HS làm bài cá nhân.
- HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.
- Các nhóm tham gia chơi theo yêu cầu của giáo viên.
- a) Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.
- b) Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.
- Các nhóm lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Bài 3. Cùng bạn hỏi - đáp về một nhà khoa học. Ghi lại 1- 2 câu hỏi – đáp của em và bạn, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang. - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV mời HS làm việc theo nhóm 2 - GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, trả lời các câu hỏi: + Tên của nhà khoa học đó là gì? + Nhà khoa học đó là người nước nào? + Ông (bà) nổi tiếng trong lĩnh vực gì? + Kể tên một số thành tựu mà nhà khoa học đó đã tạo ra,... - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - Các nhóm tiến hành thảo luận, thực hành hỏi - đáp và ghi lại đoạn hội thoại đó. - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Các nhóm khác nhận xét.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi: thi tìm ra các đoạn văn trong sách Tiếng Việt 4, tập 1 có sử dụng dấu gạch ngang và nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp tìm được theo nhóm 4. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 29: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI (3 tiết)

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết được bài văn miêu tả con vật dựa vào dàn ý đã lập.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết tìm đọc thêm các bài văn miêu tả con vật, trao đổi với người thân về đặc điểm con vật trong bài văn miêu tả của mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm, trao đổi ý kiến với người thân.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý, chăm sóc với các loài động vật, đặc biệt là vật nuôi trong gia đình.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức ôn bài cũ để HS nhớ lại kiến thức đã học + Câu 1: Bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần, đó là những phần nào? + Câu 2: Khi miêu tả đặc điểm của con vật,	- HS tham gia ôn bài + Bài văn miêu tả con vật thường gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. +... Tả đặc điểm ngoại hình của con vật

em nên miêu tả theo trình tự nào? + Câu 3: Để miêu tả chính xác các đặc điểm và thói quen, hoạt động của con vật, em cần phải làm gì? + Câu 4: - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV đưa ra hình ảnh một số con vật đáng yêu và giới thiệu bài: Những chú cún (mèo) con rất đáng yêu, bài học hôm nay sẽ giúp các con vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của chú nhé.	trước rồi tả hoạt động và thói quen sau. + Để miêu tả chính xác các đặc điểm và thói quen, hoạt động của con vật, em cần phải quan sát kĩ con vật đó. - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Thực hành – luyện tập. - Mục tiêu: + Biết viết được bài văn miêu tả con vật dựa vào dàn ý đã lập. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Chọn một trong hai đề dưới đây: Đề 1: Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó. Đề 2: Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc phim ảnh mà em yêu thích. Bài 1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở bài 28, viết bài văn miêu tả con vật mà em yêu thích. - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. - GV mời 2-3 HS đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở bài 28. - GV mời HS dựa vào dàn ý để viết thành bài văn miêu tả con vật. - GV lưu ý HS sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn hay hơn, sinh động hơn. - GV mời HS đọc bài viết trước lớp. - GV nhận xét chung.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Một số HS trình bày trước lớp. - HS làm việc cá nhân. - 2 – 3 HS đọc bài viết trước lớp. - HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bài 2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 a) Đọc lại bài làm của em để phát hiện lỗi: + <i>Các đặc điểm của con vật.</i> + <i>Trình tự sắp xếp các ý.</i> + <i>Cách dùng từ, viết câu.</i> b) <i>Chỉnh sửa lỗi(nếu có)</i> - GV mời HS có bài viết tốt đọc trước lớp, tìm ưu điểm và lỗi còn mắc phải theo gợi ý ở phần a) và ghi lại các lỗi lên bảng lớp. - GV mời HS làm việc theo nhóm 2. - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc bài viết, phát hiện lỗi và tìm những câu văn hay để chú ý học theo. - 2 HS trong bàn sẽ đổi vở, soát lỗi và chỉ ra lỗi cho bạn, sau đó sửa lỗi(nếu có). - Các nhóm trình bày kết quả. - Các nhóm khác nhận xét.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: - GV cho HS nêu yêu cầu của phần vận dụng: <i>Tìm đọc các bài văn miêu tả con vật hoặc trao đổi với người thân về đặc điểm của con vật trong bài viết của em.</i> - GV tổ chức cho HS đọc một số bài văn miêu tả con vật, ghi lại những câu văn em thấy hay và muốn học hỏi. - GV nhận xét tiết dạy. - GV nhắc HS về nhà trao đổi với người thân về bài văn của mình.	- HS đọc yêu cầu phần vận dụng. - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS đọc bài văn đã chuẩn bị hoặc GV chuẩn bị, ghi lại những câu văn mà em muốn học hỏi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

.....
.....

Bài 30: CÁNH CHIM NHỎ (4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện **Cánh chim nhỏ**.
- Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả sự vật, các từ ngữ gợi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện.
- Hiểu được những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta là ước mơ của nhiều người khác.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài văn, biết yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Em muốn làm” để	- HS lắng nghe bài hát.

khởi động bài học. + Trong bài hát, bạn nhỏ muốn làm gì? + Bạn muốn làm những nghề nghiệp đó để làm gì? - GV: Các em ạ, mỗi chúng ta ai cũng có những ước mơ của riêng mình, có người mơ ước lớn lao, có người ước mơ những điều thật giản dị, bình thường. Vậy nên chúng ta nên tôn trọng ước mơ của người khác và nếu có thể hãy giúp họ thực hiện những ước mơ bình dị ấy, bởi những điều giản dị, bình thường với chúng ta nhưng lại là ước mơ của người khác, giống như bạn nhỏ trong câu chuyện chúng ta sẽ tìm hiểu sau đây.	+ Bạn ấy muốn làm bác sĩ, thầy cô giáo, chú công an, đầu bếp, phi công, kĩ sư, ca sỹ,.... + Bạn muốn luôn mang hạnh phúc cho đời. - Học sinh lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện <i>Cánh chim nhỏ</i>. + Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng các từ ngữ gọi tả sự vật, các từ ngữ gọi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ gọi tả sự vật, các từ ngữ gọi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện. - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ gọi tả sự vật, các từ ngữ gọi tả suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 2 đoạn theo thứ tự:	- Hs lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát

+ Đoạn 1: từ đầu đến nói với bạn. + Đoạn 2: Thế rồi đến hết. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>chao liệng, tại sao mình lại không thể bay nhí, ước gì, chia sẻ, cười giòn tan, thâm thì, ôm ghì,...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: + <i>Nhìn những cánh chim chao liệng trên trời cao,/ cậu nghĩ /tại sao mình lại không thể bay nhí.//</i> + <i>Một hôm,/ cậu đến công viên chơi/ và gặp một cậu bé đang ngồi nghịch cát. //</i> - GV hướng dẫn cách nhấn giọng: đọc nhấn giọng vào những từ ngữ gợi cảm xúc, hình ảnh như: + <i>Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó.</i> + <i>Người cha đứng lặng nhìn theo, mắt rung rung.</i> - GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2. - GV nhận xét sửa sai.	- 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - 2-3 HS đọc nhấn giọng. - 2 học sinh trong bàn đọc nối tiếp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả sự vật, các từ ngữ gợi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện như : <i>Ồ, ước gì, chia sẻ, đứng lặng, rung rung,...</i> - Mời 2 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp:	- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 2 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

+ GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương	+ Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Hiểu được những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta là ước mơ của nhiều người khác. + Biết yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình. - Cách tiến hành:	
3.1. Tìm hiểu bài. - GV mời 1 HS đọc toàn bài. - GV mời 1 HS đọc phần giải nghĩa từ + <i>Chao liệng: nghiêng cánh bay theo đường vòng.</i> + <i>Giòn tan: dễ vỡ lắm nghĩa trong bài là tiếng cười vui tươi hoà vào không gian.</i> + <i>Đứng lặng: đứng im</i> + <i>Rưng rưng: nước mắt ứa ra, đọng thành tròng nhưng chưa chảy xuống thành giọt.</i> + GV yêu cầu HS đặt câu với một vài từ vừa giải nghĩa. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì?	- Cả lớp lắng nghe. - 1 HS đọc phần giải nghĩa từ - HS trả lời lần lượt các câu hỏi: + Hai cậu bé gặp nhau ở công viên. Cậu bé bình thường thì mơ ước biết bay như những chú chim, cậu bé bị liệt thì chỉ muốn biết đi lại bình thường như bao người khác.

Câu 2: Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì cho bạn? Câu 3: Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn công chạy trong công viên? Câu 4: Nêu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay. - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV chốt: Câu chuyện muốn nói với chúng ta rằng có những điều tưởng như rất bình thường với chúng ta nhưng lại là mơ ước của rất nhiều người khác. Vì vậy, trong cuộc sống chúng ta phải biết yêu thương, động viên, chia sẻ, giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.	+ HS thảo luận nhóm, trình bày: Cậu bé đã công bạn để bạn có cảm giác được bay. + HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân: cậu bé thấy vui/ sung sướng/ hạnh phúc,... + HS làm việc nhóm 4, đại diện nhóm trình bày ý kiến: Cậu bé biết quan tâm, giúp đỡ người khác/ cậu bé nhân hậu/ cậu bé tốt bụng,... - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS lắng nghe. - HS nhắc lại nội dung bài học.
3.2. Luyện đọc lại. - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm. - Mời một số học sinh đọc nối tiếp. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm. - HS đọc nối tiếp theo đoạn. Đọc một số lượt. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
3.3. Luyện tập theo văn bản. <u>Bài 1:</u> GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm những từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc Cánh chim nhỏ. - Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày Đáp án: Các từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc Cánh chim nhỏ là: <i>cười giòn tan, ôm ghì, hét to.</i>

- Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. Bài 2: GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Đặt 1-2 câu với những từ ngữ em tìm được ở bài tập 1. - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em) - GV nhận xét, tuyên dương	- Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm bài văn. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 30: CÁNH CHIM NHỎ (4 tiết)
Tiết 3: VIẾT
Bài: TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm của bài văn miêu tả con vật của mình, viết lại được 1-2 đoạn văn trong bài văn của mình cho hay hơn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết quan sát con vật một cách chi tiết, sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với từng con vật định tả.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng viết bài văn miêu tả con vật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý, chăm sóc động vật đặc biệt là động vật nuôi trong gia đình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”: HS thi xếp nhanh tên con vật và những đặc điểm, hoạt động của con vật đó.	- HS tham gia trò chơi

1. con mèo a. trông nhà, lông mềm 2. con chó b. leo nhanh thoăn thoắt 3. con gà c. bộ lông trắng muốt 4. con thỏ d. bới đất tìm giun - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện. + 1-2 HS trả lời theo suy nghĩ của hình.
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm của bài văn miêu tả con vật của mình, viết lại được 1-2 đoạn văn trong bài văn của mình cho hay hơn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Nghe thầy, cô giáo nhận xét chung - GV trả bài viết cho cả lớp rồi nhận xét chung những bài viết tốt, những lỗi sai nhiều HS mắc phải. - GV đọc 1-2 bài viết tốt nhất để HS tham khảo. Bài 2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm, nhược điểm của bài làm. + <i>Bài làm có đủ mở bài, thân bài, kết bài không?</i> + <i>Các đặc điểm của con vật có được lựa chọn và miêu tả theo trình tự hợp lí không?</i> + <i>Bài làm mắc mấy lỗi về dùng từ, đặt câu và chính tả?</i> - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. - GV mời HS làm việc cá nhân: tự đọc lại bài làm của mình và lời nhận xét của thầy cô theo các gợi ý trong SGK, sau đó tìm ra và sửa lỗi. - GV mời HS làm việc nhóm bàn: đổi bài cho nhau tìm lỗi trong bài của bạn và trao đổi về cách sửa lỗi.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS nhận bài, nghe GV nhận xét. - HS lắng nghe. - 1 HS đọc yêu cầu của bài 2 - HS làm việc cá nhân. - HS làm việc nhóm bàn.

- Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. Bài 3. Đọc bài làm của các bạn được thầy cô khen, nêu những điều em muốn học tập. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV chiếu bài làm tốt của HS lên màn hình rồi mời HS đọc lại bài làm(cho HS đọc bài nếu không có điều kiện). + Qua các bài làm trên, em thấy những điểm nào hay, cần học tập? - GV mời HS khác nhận xét. - GV nhận xét chung, kết luận. Bài 4: Viết lại 1-2 đoạn trong bài làm của em cho hay hơn. - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 4. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. - GV nhận xét, tuyên dương HS.	- Các nhóm trình bày ý kiến thảo luận. - Các nhóm nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc lại bài làm tốt của các bạn. - HS trình bày cá nhân theo cảm nhận của mỗi người. - HS khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc yêu cầu bài tập 4. - HS viết bài cá nhân. - HS viết xong trước trình bày bài làm trước và sau khi sửa để GV và cả lớp nhận xét. - HS khác nghe, nhận xét.
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết viết bài văn miêu tả con vật, tìm được nhiều từ chỉ hoạt động, đặc điểm của con vật.. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Thi chăm vật khéo”. + GV chuẩn bị bút dạ, chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 5 bạn lên nối tiếp thi tìm từ chỉ: Đội 1: Từ chỉ đặc điểm của con vật	- HS tham gia chơi trò chơi để củng cố vốn từ về con vật. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm

Đội 2: từ chỉ hoạt động của con vật - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì , ba,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	

Bài 30: CÁNH CHIM NHỎ (4 tiết)

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

Bài: KỂ CHUYỆN: ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe, hiểu câu chuyện Đôi cách của ngựa trắng.
- Kể lại được nội dung câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc phải đúng nguyên văn câu chuyện).
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nhân vật trong bài học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.
- Phẩm chất trung thực: Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	

+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Cho con” để khởi động bài học. + Đố các em bài hát nói về điều gì? + Những điều tốt đẹp cha mẹ dành hết cho con chứng tỏ điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: Cha mẹ nào cũng dành tất cả những gì tốt đẹp nhất mình có cho con cái. Tuy nhiên, có những bậc cha mẹ yêu thương con quá không dám để con vất vả khó khăn, làm cho đứa con của họ trở nên nhút nhát, thiếu tự tin vào bản thân, không có kỹ năng để giải quyết vấn đề khi gặp khó khăn, thử thách trong cuộc sống giống như anh chàng ngựa trắng trong câu chuyện mà chúng ta sẽ học. Vậy ngựa trắng làm thế nào để vượt qua những khó khăn đó và đạt được ước mơ của mình chúng ta cùng tìm hiểu câu chuyện: Đôi cánh của ngựa trắng.	- HS tham gia trò chơi + Bài hát nói về những điều tốt đẹp cha mẹ dành cho con. + Điều đó chứng tỏ cha mẹ rất yêu thương con của mình. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + Nghe, hiểu câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng. + Kể lại được nội dung câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc phải đúng nguyên văn câu chuyện). + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
1. Nghe kể chuyện - GV kể câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng kết hợp chỉ hình ảnh minh họa (lần 1) - GV nhắc HS ghi nhớ tên các nhân vật và lời nói của nhân vật. - GV kể lại câu chuyện (lần 2).	- HS lắng nghe, ghi vắn tắt lời kể của GV, lời của nhân vật (nếu kịp).

2. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện trên. - GV mời HS đọc lại yêu cầu bài tập 2 - GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 kể lại câu chuyện. Chú ý kể bằng lời của mình, vừa kể vừa kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nhấn giọng,... - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm khác nhận xét. - Giáo viên nhận xét, khen những HS kể bằng lời của mình, vừa kể vừa kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nhấn giọng,... 3. Nêu những cảm xúc, suy nghĩ của em sau khi nghe câu chuyện. - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 3. - GV mời HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình. - GV nhận xét, chốt: Câu chuyện muốn khuyên chúng ta phải mạnh dạn, tự tin vào bản thân, đi đây đi đó để hiểu biết mới mau khôn lớn, vững vàng để thực hiện ước mơ của mình.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2 - HS thảo luận nhóm 4 kể lại câu chuyện, mỗi HS kể 1 tranh. - Các nhóm nối tiếp kể chuyện theo tranh. - Các nhóm nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình: phải mạnh dạn, tự tin, chịu khó rèn luyện/ không nên chỉ chú ý đến vẻ bề ngoài,... - HS lắng nghe
3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
1. Trao đổi với người thân về ý nghĩa câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng. - GV mời HS đọc yêu cầu bài 1 phần vận dụng. - GV tổ chức cho HS đóng vai, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện vừa học. + Mời các nhóm trình bày.	- Hs đọc yêu cầu bài 1. - HS thảo luận nhóm 2 hoặc 3. - Các nhóm thực hành trao đổi ý kiến trước lớp.

+ GV nhận xét chung, tuyên dương những nhóm trình bày tốt. 2. Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ. - GV mời HS đọc yêu cầu bài 2. - GV có thể gợi ý tên các câu chuyện trong SHS hoặc các câu chuyện về ước mơ được viết trên sách, báo,... - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- Các nhóm khác nhận xét - HS đọc yêu cầu bài 2. - HS lắng nghe, ghi tên một số câu chuyện để về tìm đọc - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: 	